



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 41/2021
Từ 18/10 - 22/10/2021

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

CHÍNH PHỦ:

ĐẠT MỤC TIÊU GDP NĂM 2022 TĂNG 6 - 6,5%

Tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV diễn ra tại Hà Nội sáng ngày 20/10, thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã trình bày Báo cáo kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. Xin trân trọng giới thiệu toàn văn nội dung Báo cáo (Báo cáo của Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính trình bày tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV).



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính báo cáo trước Quốc hội, đồng bào và cử tri cả nước tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV. Ảnh: VOV

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đồng chí lão thành cách mạng!

Kính thưa các vị đại biểu Quốc hội và đồng bào, cử tri cả nước!

Theo chương trình Kỳ họp, Chính phủ đã gửi đến Quốc hội 54 báo cáo và tờ trình về các lĩnh vực, trong đó có các báo cáo đánh giá đầy đủ, toàn diện về kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 và về công tác phòng, chống dịch COVID-19. Thay mặt Chính phủ, tôi xin báo cáo Quốc hội và đồng bào, cử tri cả nước những nội dung chủ yếu như sau:

I. Tình hình và kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2021

Năm 2021 diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước; là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và các kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 trong bối cảnh đất nước gặp nhiều khó khăn, thách thức mới gay

gắt hơn. Do tiếp tục xuất hiện các đợt dịch COVID-19 với những biến chủng mới, kinh tế thế giới còn nhiều bất định và tăng trưởng không vững chắc; các nước trong khu vực Đông Nam Á bị ảnh hưởng nặng nề. Trong nước, dịch COVID-19 bùng phát lần thứ tư ở nhiều địa phương với sự xuất hiện của biến chủng Delta có tốc độ lây lan rất nhanh, nguy hiểm hơn nhiều so với chủng gốc trước đây, lại xâm nhập sâu vào các trung tâm kinh tế, đô thị lớn... buộc chúng ta phải áp dụng nhiều biện pháp phòng, chống dịch chưa có tiền lệ, mạnh mẽ, quyết liệt hơn để thực hiện mục tiêu ưu tiên trước hết, trên hết là bảo vệ sức khỏe, tính mạng của Nhân dân; từ đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất kinh doanh, sinh kế và đời sống Nhân dân.

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Trung ương Đảng, trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự kịp thời ban hành những quyết sách đặc thù phục vụ phòng, chống dịch, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và giám sát hiệu quả của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương và sự đồng tình, ủng hộ, chia sẻ, tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, chúng ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, rất đáng khích lệ trong toàn hệ thống và trên tất cả các lĩnh vực:

1. Tổ chức Đại hội Đảng, bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, kiện toàn nhân sự các chức danh lãnh đạo các cơ quan nhà nước

Trong điều kiện dịch COVID-19 diễn biến phức tạp tại một số địa phương, chúng ta đã chuẩn bị chu đáo và tổ chức rất thành công Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và kiện toàn nhân sự các chức danh lãnh đạo các cơ quan nhà nước, góp phần ổn định chính trị - xã hội, khẳng định sự đồng bộ, tính thống nhất của cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ, tạo nền tảng vững chắc và điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Về phòng, chống dịch COVID-19

Những tháng vừa qua công tác phòng, chống dịch COVID-19 là ưu tiên hàng đầu trong chỉ đạo, điều hành quyết liệt, mạnh mẽ của Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương; với tinh thần vừa có kế thừa và vừa có đổi mới vì chưa có tiền lệ nên phải bám sát yêu cầu thực tiễn; vừa làm vừa rút kinh nghiệm, bổ sung từng bước hoàn thiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp với biến chủng mới lây lan nhanh, nguy hiểm, khó kiểm soát hơn theo phương châm “5K + vắc-xin + điều trị + công nghệ + đề cao ý thức của Nhân dân”. Khi dịch bệnh đã nhiễm sâu tại các đô thị, vùng kinh tế trọng điểm, khu công nghiệp, chúng ta đã nhanh chóng điều chỉnh tổ chức thực hiện theo cách tiếp cận toàn dân, lấy cấp xã là “pháo đài”, người dân là “chiến sỹ” và là trung tâm phục vụ, là chủ thể tham gia phòng, chống dịch; đưa dịch vụ y tế, an sinh xã hội đến cấp cơ sở để người dân tiếp cận kịp thời, hiệu quả hơn và bảo vệ an ninh, an toàn cho Nhân dân.

Nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực, quyết tâm cao và phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, các địa phương, đặc biệt là các lực lượng tuyến đầu chống dịch như y tế, quân đội, công an, các lực lượng cơ sở và sự đoàn kết, đồng tình ủng hộ, tham gia tích cực của các tầng lớp Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, công tác phòng, chống dịch

ngày càng chuyển biến tích cực, hiệu quả hơn, nhất là sau khi nâng cấp, kiện toàn Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 và kịp thời điều động một lực lượng lớn chưa từng có, trong một thời gian rất ngắn với khoảng hơn 300 nghìn lượt cán bộ, chiến sỹ các lực lượng y tế, quân đội, công an từ Trung ương và các địa phương khác hỗ trợ cho các địa phương thực hiện giãn cách và tăng cường giãn cách xã hội. Đồng thời, đẩy mạnh ngoại giao vắc-xin, thành lập Quỹ vắc-xin phòng chống COVID-19, tích cực đẩy mạnh nhập khẩu, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sản xuất vắc-xin trong nước và phát động chiến dịch tiêm chủng lớn nhất từ trước tới nay với tinh thần “vắc-xin tốt nhất là vắc-xin được tiêm sớm nhất”. Kịp thời động viên, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phòng, chống dịch. Duy trì phù hợp hoạt động sản xuất kinh doanh ở những nơi đủ điều kiện, an toàn dịch bệnh; hạn chế tối đa đứt gãy chuỗi sản xuất, cung ứng, lao động.

Có thể nói, chúng ta đã nỗ lực hết sức mình trong điều kiện có thể vì nguồn lực, năng lực hệ thống y tế còn nhiều hạn chế, bất cập, nhất là ở cấp cơ sở, hầu hết các vật tư, sinh phẩm, thiết bị y tế, đặc biệt là thuốc, vắc-xin trong nước chưa sản xuất được, phải nhập khẩu trong điều kiện nguồn cung khan hiếm trên toàn cầu. Vì vậy, kết quả đạt được như Trung ương đã đánh giá: “Các chủ trương, chính sách, biện pháp được triển khai trong thời gian qua là đúng đắn, kịp thời và chỉ đạo, tổ chức thực hiện khẩn trương, quyết liệt, đạt được những kết quả quan trọng. Đến nay dịch bệnh cơ bản được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc và đang thực hiện lộ trình thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh tại nhiều địa phương”.

Điều nổi bật là, trong những thời điểm khó khăn, thử thách gay gắt nhất của dịch bệnh, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy mạnh mẽ, đã xuất hiện rất nhiều tấm gương, nghĩa cử cao đẹp, lay động lòng người. Hàng chục nghìn y, bác sỹ, nhân viên y tế, những “chiến sỹ áo trắng”, phải xa gia đình trong thời gian dài, chấp nhận hy sinh, kiên cường bám trụ, bất chấp hiểm nguy, “chiến đấu” quên mình vì sức khỏe, tính mạng của người dân. Hàng trăm nghìn cán bộ, chiến sỹ quân đội, công an, Tổ COVID cộng đồng bám sát địa bàn, tận tâm, tận lực, không ngại gian khổ, khó khăn ngày đêm, hỗ trợ các địa phương và người dân. Nhiều người sau khi nhiễm và khỏi bệnh tự nguyện tham gia phòng, chống dịch. Trong số đó, có những người đã ra đi mãi mãi. Hệ thống chính trị các cấp, nhất là lực lượng chức năng tại cơ sở đã “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng đối tượng” phục vụ phòng, chống dịch, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống cho người dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan Dân vận các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng, đội ngũ trí thức, văn nghệ sỹ, nhà báo, phóng viên, người dân, doanh nghiệp... trong và ngoài nước đã có nhiều sáng kiến, hành động cụ thể, thiết thực tham gia phòng, chống dịch (về phòng, chống dịch COVID-19 có Báo cáo riêng).

Đảng, Nhà nước ghi nhận, đánh giá cao và trân trọng cảm ơn những nỗ lực, hỗ trợ, đóng góp hiệu quả, những nghĩa cử cao đẹp, tận tâm, tận lực hết mình của đồng bào, đồng chí, chiến sỹ và cộng đồng doanh nghiệp, sự giúp đỡ quý báu của đồng bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế trong phòng, chống dịch; đồng thời chia sẻ, cảm thông sâu sắc với những tổn thất, mất mát về người, vật chất và tinh thần mà Nhân dân ta phải gánh chịu do đại dịch COVID-19 gây ra.

3. Về tình hình phát triển kinh tế - xã hội

Nhằm khắc phục những khó khăn do tác động nghiêm trọng của dịch COVID-19, Chính phủ đã chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương vừa phải quyết liệt triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Quốc hội, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động của Chính phủ; phối hợp chặt chẽ, linh hoạt giữa chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách khác trong chỉ đạo, điều hành; tập trung giải quyết khó khăn, tháo gỡ vướng mắc, vượt qua thách thức; nỗ lực phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được Quốc hội giao.

Ước thực hiện cả năm dự kiến đạt và vượt 8/12 chỉ tiêu chủ yếu đề ra. Kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định; lạm phát được kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 9 tháng chỉ tăng bình quân 1,82%, cả năm ước tăng dưới mức Quốc hội giao; các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm. Thu ngân sách nhà nước 9 tháng đạt trên 80%, cả năm ước vượt dự toán[14], cơ bản bảo đảm nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch bệnh và các nhiệm vụ cấp bách khác; bội chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán (4% GDP). Huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước cả năm đạt khoảng 35% GDP. Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá 9 tháng đạt trên 240 tỷ USD, cả năm ước tăng khoảng 10,7%. Mặt bằng lãi suất giảm; tỷ giá, thị trường ngoại tệ ổn định, dự trữ ngoại hối nhà nước tiếp tục được củng cố. Nông nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò trụ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; phấn đấu đến cuối năm có khoảng 68% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Tăng trưởng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khá; an ninh năng lượng được bảo đảm. Tiếp tục triển khai nhiều dự án kết cấu hạ tầng quan trọng quốc gia.

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, góp phần tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh. Chính phủ tập trung hơn cho công tác xây dựng thể chế; phối hợp ngày càng chặt chẽ, hiệu quả với các cơ quan của Quốc hội trong việc rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật đáp ứng yêu cầu thực tiễn phòng, chống dịch và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

Triển khai Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 86/NQ-CP về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19; báo cáo cấp có thẩm quyền và Ủy ban thường vụ Quốc hội để kịp thời triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp; trình cấp có thẩm quyền sớm triển khai miễn, giảm một số loại thuế, phí, lệ phí để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; đồng thời, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tập trung rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách theo tinh thần vướng mắc ở cấp, ngành nào thì cấp, ngành đó chủ động sửa đổi, hoàn thiện để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, sớm ổn định đời sống và khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội.

Các hoạt động văn hóa, xã hội được tổ chức theo hình thức phù hợp với tình hình dịch bệnh, nhất là tăng cường các hoạt động trực tuyến. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống người có công, đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội, giảm nghèo được đẩy mạnh.

Công tác an sinh xã hội, hỗ trợ người dân, người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh được triển khai tích cực, hiệu quả. Các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, người cao tuổi, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ tiếp tục được quan tâm; thể thao thành tích cao đạt một số kết quả ấn tượng.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được quan tâm; đẩy mạnh kết nối liên thông nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh trực tuyến. Khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và sản xuất vắc-xin, thuốc, sinh phẩm trong nước. Tổ chức tốt các kỳ thi tốt nghiệp, tuyển sinh cao đẳng, đại học; khai giảng năm học mới, dạy và học trực tiếp, trực tuyến linh hoạt, phù hợp với tình hình dịch bệnh; tích cực triển khai Chương trình “Sóng và máy tính cho em”. Các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số được thúc đẩy mạnh mẽ trên các lĩnh vực.

Công tác quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu được thường xuyên chỉ đạo. Tích cực tổng kết Nghị quyết của Trung ương về đất đai và Nghị quyết của Bộ Chính trị về khoáng sản; tháo gỡ một số bất cập trong quy định về quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường. Đang trình các cấp có thẩm quyền kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025. Hoàn thành các chỉ tiêu bảo vệ môi trường theo kế hoạch đề ra.

Cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh. Hoàn thiện, báo cáo cấp có thẩm quyền về việc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cơ chế tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy bên trong của các bộ, ngành, địa phương gắn với tinh giản biên chế. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiểm tra, thanh tra các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực và dư luận quan tâm. Công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng được thực hiện nghiêm theo đúng tinh thần chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được chú trọng; tỷ lệ giải quyết các vụ việc tố cáo đạt 88,3%, vượt mục tiêu đề ra (85%).

Quốc phòng, an ninh được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Xử lý linh hoạt, phù hợp, hiệu quả các tình huống phức tạp trên biển và tuyến biên giới. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tập trung trấn áp các loại tội phạm; bảo đảm an ninh, an toàn các sự kiện quan trọng của đất nước. Kịp thời đấu tranh, phản bác các quan điểm, tư tưởng sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, tổ chức phản động.

Công tác đối ngoại được triển khai đồng bộ, toàn diện, linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với tình hình, nhất là ngoại giao vắc-xin, ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế; công tác thông tin đối ngoại, bảo hộ công dân được quan tâm chỉ đạo; qua đó góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho phát triển và tiếp tục nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Thông tin, truyền thông ngày càng đổi mới tích cực, kịp thời, góp phần tạo đồng thuận xã hội, nhất là trong phòng, chống dịch bệnh và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, cơ quan Dân vận và các tổ chức

chính trị - xã hội tăng cường tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và niềm tin trong Nhân dân; kịp thời ngăn chặn thông tin xấu, độc, xử lý nghiêm các vi phạm.

4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Trong các báo cáo về kinh tế - xã hội và về công tác phòng, chống dịch COVID-19 gửi đến các vị đại biểu Quốc hội đã nêu cụ thể những tồn tại, hạn chế trên các lĩnh vực; trong đó có những nội dung chủ yếu sau đây:

Công tác phòng, chống dịch có lúc, có nơi còn bị động, lúng túng trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, nhất là giai đoạn đầu khi dịch bùng phát mạnh ở TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh phía Nam do biến chủng Delta lây lan nhanh, hết sức nguy hiểm, khó lường, khó kiểm soát; vẫn còn thiếu nhất quán trong triển khai các biện pháp phòng, chống dịch, nhất là trong thực hiện yêu cầu giãn cách xã hội tại cơ sở; việc thực hiện các quy định về đi lại của người dân, lưu thông hàng hóa thiếu thống nhất giữa các địa phương, gây ách tắc, phiền hà cục bộ cho Nhân dân. Tiếp cận nguồn vắc-xin so với một số nước còn chậm, gặp nhiều khó khăn do khan hiếm trên toàn cầu; việc mua vắc-xin chịu nhiều rủi ro, phải chấp nhận các điều kiện áp đặt của nhà cung cấp. Năng lực y tế, nhất là ở cấp cơ sở còn nhiều hạn chế, bất cập, dẫn đến quá tải ở một số địa phương và số ca tử vong cao trong giai đoạn đầu. Việc triển khai công tác cứu trợ, bảo đảm an sinh xã hội tại một số địa bàn, nhất là khu cách ly, phong tỏa còn khó khăn do số lượng người cần được hỗ trợ lên tới hàng chục triệu người.

Dự kiến có 4/12 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu chưa đạt mục tiêu đề ra. Tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm đạt 5,64%, tuy nhiên Quý III giảm 6,17% do ảnh hưởng nghiêm trọng của đợt dịch bùng phát lần thứ tư nên tính chung 9 tháng GDP chỉ tăng 1,42%. Kinh tế vĩ mô còn tiềm ẩn rủi ro; sức ép lạm phát tăng; xuất khẩu giảm tốc, tiếp tục xu hướng nhập siêu; xuất nhập khẩu phụ thuộc vào khu vực FDI và một số ít thị trường. Xuất hiện tình trạng đứt gãy một số chuỗi sản xuất, cung ứng, lao động. Thị trường tài chính, bất động sản, chứng khoán có thời điểm tăng nóng. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chậm, nhất là vốn ODA và vay ưu đãi. Khu vực dịch vụ gặp khó khăn nghiêm trọng, đặc biệt là du lịch, lưu trú, ăn uống, vận tải hành khách. Lao động, việc làm bị ảnh hưởng nặng nề.

Tình hình sản xuất kinh doanh và đời sống một bộ phận người dân gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong các khu cách ly, phong tỏa, các địa bàn tâm dịch. Sức chống chịu của nền kinh tế suy giảm mạnh; số lượng người lao động tạm ngừng việc, thiếu, mất việc làm gia tăng. Đời sống tinh thần, tâm lý của người dân bị ảnh hưởng, nhất là tại các địa bàn thực hiện giãn cách xã hội và tăng cường giãn cách xã hội kéo dài. Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động hoặc chờ giải thể tăng và ở mức khá cao (mặc dù thấp hơn số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động). Tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng, tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro.

Cơ cấu giữa các ngành, lĩnh vực và nội ngành, lĩnh vực chuyển dịch chậm; khu vực công nghiệp, dịch vụ gặp nhiều khó khăn. Cơ cấu lại 3 lĩnh vực trọng tâm còn hạn chế. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước chưa đạt tiến độ. Việc xử lý các ngân hàng yếu kém và các dự án,

doanh nghiệp kém hiệu quả còn nhiều khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ; đang đề xuất cấp có thẩm quyền xin cơ chế xử lý 2 ngân hàng thương mại yếu kém và 5 dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả. Công tác lập quy hoạch theo Luật Quy hoạch còn chậm.

Chất lượng nguồn nhân lực chưa chuyển biến rõ nét. Dạy và học trực tuyến còn nhiều bất cập. Công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và đấu tranh, phòng, chống tội phạm còn nhiều thách thức cần phải vượt qua. Quốc phòng, an ninh còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp...

Những tồn tại, hạn chế, yếu kém nêu trên có nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân khách quan cơ bản là do dịch COVID-19 diễn biến nhanh, phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng và gây hậu quả nặng nề, khiến 23 địa phương phải thực hiện giãn cách, tăng cường giãn cách xã hội trong thời gian dài, trong đó có các trung tâm kinh tế, vùng động lực tăng trưởng. Đồng thời, còn có các yếu tố từ bên ngoài như: chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, đứt gãy; giá nguyên, nhiên, vật liệu, cước, phí vận chuyển hàng hóa quốc tế tăng cao; việc huy động chuyên gia, nhà quản lý, nhà thầu nước ngoài, máy móc, thiết bị nhập khẩu bị gián đoạn. Dòng vốn đầu tư toàn cầu phục hồi chậm đã ảnh hưởng đến tình hình thu hút FDI.

Nguyên nhân chủ quan chủ yếu là do công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có lúc, có nơi còn lơ là, mất cảnh giác, chủ quan, bị động, lúng túng hoặc cứng nhắc, chưa đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo xử lý các tình huống cụ thể, đột xuất; còn hạn chế, bất cập trong phân tích, dự báo tình hình để xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, phương án vừa phòng, chống dịch, vừa phát triển kinh tế - xã hội; năng lực một bộ phận cán bộ còn hạn chế; việc thực hiện các biện pháp, chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương về phòng, chống dịch, lưu thông hàng hóa, tổ chức sản xuất an toàn có lúc, có nơi chưa kịp thời, chưa nghiêm, áp dụng thiếu nhất quán, chưa linh hoạt. Công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương chưa thật sự chặt chẽ, hiệu quả chưa cao; chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu thực tiễn diễn biến nhanh, khó lường; thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, người dân vẫn còn phiền hà...

5. Một số kinh nghiệm

Qua thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thời gian qua, có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu sau đây:

Thứ nhất, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, cần phải nhất quán, xuyên suốt, quyết liệt, kịp thời từ Trung ương đến cơ sở; bám sát yêu cầu thực tiễn, kịp thời có kế hoạch, phương án, biện pháp phù hợp để vừa phòng, chống dịch bệnh hiệu quả, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; tuyệt đối không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác và cũng không hoang mang, mất bình tĩnh, nóng vội trong phòng, chống dịch.

Thứ hai, đẩy mạnh rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi có ý nghĩa quan trọng, không chỉ tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, mà còn tạo động lực thúc đẩy phát triển; coi trọng sơ kết, đánh giá thực tiễn, kịp thời rút kinh nghiệm và nâng cao năng lực phân tích, dự báo, cảnh báo, nắm chắc tình hình, kịp thời ứng phó, xử lý hiệu quả những vấn đề phát sinh.

Thứ ba, để nắm bắt và giải quyết kịp thời, có hiệu quả các vướng mắc, yêu cầu cấp bách của thực tiễn, đặc biệt là các tình huống diễn biến nhanh trong phòng, chống dịch và phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi phải nâng cao năng lực của hệ thống chính trị và năng lực quản lý xã hội của Nhà nước, nhất là ở cấp cơ sở.

Thứ tư, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và tinh thần tự lực, tự cường; huy động hiệu quả mọi nguồn lực, tận dụng cơ hội, tăng cường hợp tác và tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế là rất quan trọng, tạo sức mạnh tổng hợp trong thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Thứ năm, phải tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao tính chủ động, tự chủ, ý thức, tinh thần trách nhiệm và trang bị kiến thức, kỹ năng của Nhân dân trong phòng, chống dịch bệnh và phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời góp phần củng cố niềm tin trong Nhân dân, tạo sức mạnh đồng thuận xã hội.

6. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu những tháng cuối năm 2021

Tập trung nỗ lực cao nhất cho phòng, chống dịch COVID-19; khẩn trương xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án, kịch bản cụ thể, sát hợp với tình hình thực tế; quyết liệt hành động, triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra theo phương châm nhạy bén, linh hoạt, sáng tạo, bình tĩnh, kịp thời với mục tiêu xuyên suốt là bảo vệ sức khỏe, tính mạng của Nhân dân là trên hết, trước hết; thúc đẩy viện trợ, nhập khẩu vắc-xin, nghiên cứu chuyển giao công nghệ và sản xuất trong nước, đẩy nhanh tiến độ bao phủ tiêm vắc-xin, chuẩn bị thuốc điều trị cần thiết, nâng cao năng lực y tế, nhất là công tác điều trị và ở cơ sở; có lộ trình thích ứng an toàn, linh hoạt, phấn đấu kiểm soát hiệu quả dịch bệnh trên phạm vi toàn quốc để tập trung khắc phục hậu quả của dịch bệnh và khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội.

Khẩn trương hoàn thiện, báo cáo cấp có thẩm quyền Chiến lược tổng thể về phòng, chống dịch và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Rà soát, tháo gỡ ngay khó khăn, vướng mắc về thể chế; giảm thiểu các thủ tục và chi phí sản xuất kinh doanh. Điều chỉnh linh hoạt chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách khác để giữ vững ổn định vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; thúc đẩy mạnh mẽ xuất khẩu; kiểm soát chặt chẽ giá cả, thị trường. Tập trung ưu tiên triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho người dân, doanh nghiệp; nhanh chóng khôi phục thị trường lao động do bị tác động trực tiếp bởi dịch COVID-19; thúc đẩy phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh; bảo đảm cung ứng, lưu thông hàng hoá thông suốt. Khơi thông mọi nguồn lực cho phòng, chống dịch và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội. Sớm đưa học sinh trở lại trường học an toàn. Củng cố, giữ vững quốc phòng, an ninh; tiếp tục triển khai mạnh mẽ ngoại giao vắc-xin, ngoại giao kinh tế, ngoại giao chính trị; đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin truyền thông.

II. Dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

Năm 2022, là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025. Dự báo tình hình quốc tế, trong nước có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Dịch COVID-19 có thể

xuất hiện phức tạp, nguy hiểm hơn. Tăng trưởng kinh tế thế giới không đồng đều, chưa vững chắc và thấp hơn năm 2021; rủi ro tiếp tục gia tăng. Trong nước, kinh nghiệm, năng lực, khả năng ứng phó dịch bệnh tiếp tục được nâng lên, nhưng sức chống chịu và nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân giảm sút. Nguy cơ chậm phục hồi kinh tế, suy giảm tăng trưởng vẫn còn tiềm ẩn nếu không kiểm soát được dịch bệnh một cách cơ bản để mở cửa trở lại nền kinh tế; rủi ro lạm phát gia tăng; thiên tai, biến đổi khí hậu là nguy cơ luôn tiềm ẩn.

1. Quan điểm chỉ đạo, điều hành

Một là, bám sát quan điểm phát triển theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và hệ thống chính trị; nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào nội lực là chính, ngoại lực là cần thiết, quan trọng.

Hai là, đặt sức khỏe, tính mạng của người dân lên trên hết, trước hết; từng bước thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19. Phòng, chống dịch là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài; tiêm chủng, xét nghiệm, cách ly, điều trị là đặc biệt quan trọng; đề cao ý thức, trách nhiệm, tinh tự chủ của người dân, doanh nghiệp trong phòng, chống dịch.

Ba là, vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, khôi phục và ổn định thị trường lao động, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân; bảo đảm sự đồng bộ, nhất quán, thông suốt, trách nhiệm trong chỉ đạo điều hành của các cấp, các ngành, các địa phương.

Bốn là, điều chỉnh chính sách tiền tệ, tài khóa phù hợp, khả thi, linh hoạt, thích ứng với bối cảnh dịch bệnh có thể kéo dài; tập trung thực hiện 3 trọng tâm: khôi phục, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh xuất khẩu; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và huy động nguồn lực xã hội, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng chiến lược.

Năm là, bảo đảm ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tiếp tục củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu

Mục tiêu: Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19, bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của Nhân dân, cùng với tập trung tận dụng tốt cơ hội để thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội với các giải pháp tổng thể kích thích nền kinh tế, hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, không để suy giảm các động lực tăng trưởng trong dài hạn. Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, nâng cao tính tự chủ, khả năng chống chịu, thích ứng của nền kinh tế. Tiếp tục ưu tiên rà soát, hoàn thiện về thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là một số công trình trọng điểm quốc gia; đầu tư nâng cao chất lượng nhân lực gắn với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chú trọng phát triển văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân, nhất là người có công, người nghèo, người yếu thế. Quản lý chặt chẽ đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, khơi thông các nguồn lực cho phát triển. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Củng cố quốc phòng, an

ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; làm tốt công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội.

Chỉ tiêu chủ yếu: gồm 16 chỉ tiêu chủ yếu về các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường; trong đó tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt khoảng 6 - 6,5%; tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%; bội chi ngân sách nhà nước so với GDP khoảng 4%.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Thứ nhất, tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai hiệu quả Chiến lược tổng thể về phòng, chống dịch, có lộ trình thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của các cấp, các ngành ngay từ đầu năm 2022. Các địa phương vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhưng không trái với định hướng của Trung ương. Tiếp tục mở rộng độ bao phủ, tăng tốc chiến dịch tiêm vắc-xin cho người dân; nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là điều trị và ở cơ sở; tổng kết thực tiễn, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch. Xây dựng kế hoạch nhập khẩu, sản xuất, tiêm chủng vắc-xin một cách khoa học, an toàn, hiệu quả, hợp lý cho năm 2022 và những năm tiếp theo, trong đó có vắc-xin cho trẻ em. Hoàn thiện thể chế, quy định về phòng, chống dịch, nhất là thúc đẩy xã hội hóa, kết hợp công tư, bảo đảm đủ nguồn lực để thực hiện.

Tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội phù hợp, khả thi. Điều chỉnh linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và các chính sách khác để vừa giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; vừa hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh, thúc đẩy xuất khẩu, tiêu dùng nội địa, đẩy mạnh đầu tư, có cơ chế huy động thêm nguồn lực cho phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước, phấn đấu tăng thu, triệt để tiết kiệm chi. Huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội và ưu tiên bố trí nguồn ngân sách nhà nước hợp lý cho các nhiệm vụ trọng tâm. Bảo đảm đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế và an toàn hệ thống tín dụng, ngân hàng.

Thứ hai, ưu tiên công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật, tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022. Nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Khẩn trương xây dựng, ban hành những văn bản pháp luật liên quan đến phòng, chống dịch và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Không ngừng nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật; chú trọng giải quyết các tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế và hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, ổn định, bền vững các loại thị trường. Từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách cho hoạt động của các mô hình kinh doanh, các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia...

Thứ ba, thực hiện thực chất, hiệu quả hơn cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển kinh tế số, xã hội số. Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, phân bổ và đẩy mạnh giải ngân vốn hiệu quả đầu tư công. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, các chương trình mục tiêu quốc gia. Thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư ngoài nhà nước gắn với tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, ách tắc trong đầu tư, kinh doanh. Phê duyệt các đề án cơ cấu lại tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Quyết liệt, hiệu quả hơn nữa trong cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu và các dự án, doanh nghiệp kém hiệu quả. Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công hiệu quả, bảo đảm khả năng trả nợ. Đẩy mạnh cơ cấu lại gắn với phát triển các ngành, lĩnh vực theo hướng khai thác hiệu quả không gian tăng trưởng mới và thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn theo lộ trình phù hợp. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Phục hồi các chuỗi sản xuất, cung ứng, lao động bị đứt gãy, tổ chức kết nối và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tham gia. Cơ cấu lại, phát triển hiệu quả một số ngành, lĩnh vực quan trọng bị tác động trực tiếp bởi dịch COVID-19.

Thứ tư, đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, nhất là về giao thông, năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu... Lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư xã hội, nhất là phương thức hợp tác đối tác công tư. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm, hạ tầng thương mại và hạ tầng văn hóa, xã hội; tăng cường kết nối liên vùng, khu vực, quốc tế, nhất là các công trình hạ tầng giao thông quan trọng, trong đó có đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ; dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành, các tuyến đường sắt đô thị... Phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; các dự án chống sạt lở do biến đổi khí hậu.

Thứ năm, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Phê duyệt, triển khai Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; đưa học sinh trở lại trường học an toàn với dịch bệnh; đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy và học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh còn diễn biến phức tạp. Triển khai các chiến lược, quy hoạch giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo nghề cho thanh niên, người chưa có việc làm. Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và thu hút nguồn nhân lực cho khoa học công nghệ; phát triển phong trào đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trên phạm vi toàn quốc, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể.

Thứ sáu, thúc đẩy phát triển liên kết vùng, khu kinh tế và phát triển đô thị, kinh tế đô thị, đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt các quy hoạch. Phân đầu cơ bản hoàn thành việc phê duyệt các quy hoạch trong năm 2022. Đề xuất các cơ chế, chính sách phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các vùng động lực tăng trưởng mới. Triển khai các kế hoạch, đề án về phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu; lấy đô thị làm động lực phát triển vùng; phân đầu tỷ lệ đô thị hóa đạt 41,5 - 42%.

Thứ bảy, gắn kết hài hoà, hợp lý giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam, chú trọng thực hiện chính sách người có công, bảo trợ xã hội, bảo đảm an sinh xã hội. Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030. Tổ chức phù hợp các hoạt động văn hóa, xã hội, nghệ thuật, bảo đảm an toàn dịch bệnh. Thực hiện tốt các chính sách người có công, bảo trợ xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, tạo việc làm, giảm nghèo đa chiều, bền vững; gia tăng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, nhất là bảo hiểm tự nguyện. Tiếp tục rà soát, ban hành và triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chính sách hỗ trợ người lao động; triển khai các giải pháp phục hồi và ổn định thị trường lao động. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Đẩy mạnh triển khai kịp thời, hiệu quả 3 Chương trình mục tiêu quốc gia. Chú trọng phát triển nhà ở cho công nhân, xây dựng thiết chế văn hoá ở các khu công nghiệp. Quan tâm hơn nữa công tác dân tộc, tôn giáo, vì sự tiến bộ của phụ nữ, gia đình, thanh thiếu niên, chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, nhất là trẻ em bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19.

Thứ tám, quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoàn thiện, trình Quốc hội xem xét, ban hành Luật đất đai (sửa đổi). Huy động và sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực từ đất đai, tài nguyên; chú trọng bảo vệ, phát triển các loại rừng. Khai thác tiềm năng, lợi thế phát triển các ngành kinh tế biển. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước, bảo đảm an ninh nguồn nước. Chú trọng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện các cam kết theo Thỏa thuận Pa-ri. Phát triển công nghiệp xử lý, tái chế chất thải. Huy động nguồn lực, xây dựng cơ chế, chính sách thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long.

Thứ chín, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm sai phạm. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và thực hiện nghiêm thể chế, cơ chế, chính sách và kiên quyết phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; đẩy nhanh tiến độ xác minh, điều tra, truy tố, đưa ra xét xử các vụ án, xử lý các vụ việc tham nhũng. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiểm toán. Làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Thứ mười, củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước. Theo dõi, nắm chắc tình hình, tham mưu với Đảng, Nhà nước xử lý kịp thời, linh hoạt mọi tình huống; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ; kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu,

hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ. Tập trung trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và phòng, chống cháy, nổ; chú trọng phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường...

Thứ mười một, triển khai đồng bộ, hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, góp phần củng cố vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Triển khai các hoạt động đối ngoại, làm sâu sắc hơn quan hệ song phương với các đối tác, gia tăng tin cậy chính trị, đan xen lợi ích, xử lý hài hòa quan hệ với các nước lớn. Tăng cường các hoạt động ngoại giao cấp cao, khai thác hiệu quả các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, các hiệp định thương mại tự do (FTA). Làm tốt hơn nữa công tác thông tin đối ngoại, ngoại giao văn hóa, công tác người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân.

Thứ mười hai, đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, nâng cao hiệu quả công tác dân vận chính quyền. Tiếp tục tăng cường thông tin truyền thông về phòng, chống dịch và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng tuyên truyền, cổ vũ những mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương người tốt, việc tốt. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận chính quyền, phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội mà Quốc hội đề ra.

Kính thưa Quốc hội,

Trong bối cảnh nước ta còn nhiều khó khăn, thách thức với những diễn biến và tác động khó lường của đại dịch COVID-19, nhiệm vụ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và thời gian tới là rất nặng nề. Với tinh thần, ý chí quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, với sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, nhất định chúng ta sẽ sớm đẩy lùi dịch bệnh để phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, đưa đất nước vững bước tiến lên trên con đường đổi mới, hội nhập và phát triển.

Chính phủ trân trọng đề nghị và mong tiếp tục nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của đồng chí Tổng Bí thư; sự quan tâm, ủng hộ và giám sát của Quốc hội, Chủ tịch nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân và đồng bào, cử tri cả nước để cùng hệ thống hành chính nhà nước quyết tâm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó.

Xin trân trọng cảm ơn Quốc hội và đồng bào, cử tri cả nước.

Nguồn: baohinhphu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

Ngày 11/10, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Công dịch vụ công quốc gia. Quy chế áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động quản lý, vận hành, khai thác các thông tin, dịch vụ, tiện ích trên Công dịch vụ công quốc gia.

Quy chế quy định nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác Công dịch vụ công quốc gia: (1) Việc quản lý, vận hành, khai thác Công dịch vụ công quốc gia tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, giao dịch điện tử, an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật Nhà nước và các quy định khác có liên quan, bảo đảm việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, dịch vụ công trực tuyến được thông suốt, tiết kiệm, an toàn, hiệu quả; (2) Việc tổ chức thông tin trên Công dịch vụ công quốc gia theo hướng lấy người dùng làm trung tâm. Các thông tin được cung cấp trên Công dịch vụ công quốc gia bảo đảm chính xác, rõ ràng, được cập nhật liên tục, kịp thời theo các quy định hiện hành. Các thông tin được trình bày khoa học, dễ tiếp cận cho người sử dụng và có thể truy cập, khai thác trong mọi thời điểm; (3) Công dịch vụ công quốc gia được kết nối thông suốt, liên tục với Công dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh, bảo đảm việc vận hành 24 giờ tất cả các ngày trong tuần; (4) Việc tham gia quản lý, vận hành, khai thác Công dịch vụ công quốc gia bảo đảm đúng thẩm quyền, trách nhiệm theo các quy định của pháp luật hiện hành; (5) Việc khai thác, sử dụng lại thông tin của tổ chức, cá nhân trong thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân.

Các danh mục dữ liệu dùng chung của Công dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ với Công dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính bao gồm: (1) Danh mục thủ tục hành chính; (2) Danh mục dịch vụ công trực tuyến; (3) Danh mục cơ quan; (4) Danh mục đơn vị hành chính; (5) Danh mục ngành, lĩnh vực; (6) Danh mục kết quả giải quyết thủ tục hành chính; (7) Danh mục tài khoản của đơn vị kho bạc nhà nước mở tại ngân hàng thương mại; (8) Danh mục các khoản thu nghĩa vụ tài chính vào ngân sách nhà nước; (9) Danh mục ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; (10) Các danh mục khác theo yêu cầu Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài ra, Quy chế còn quy định các nội dung cụ thể: Đăng ký và quản lý tài khoản trên Công dịch vụ công quốc gia; Quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; Tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Công dịch vụ công quốc gia; Thanh toán trực tuyến trên Công dịch vụ công quốc gia; Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân trên Công dịch vụ công quốc gia; Quản lý, vận hành kỹ thuật.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm quản trị Công dịch vụ công quốc gia bảo đảm hoạt động thông suốt, an toàn, ổn định; phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, địa phương triển khai các phương án, giải pháp kết nối, tích hợp giữa Công dịch vụ công quốc gia với Công dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do bộ, cơ quan, địa phương triển khai để phục vụ hiệu quả cho việc thực hiện thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến.

Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Công dịch vụ công quốc gia có hiệu lực từ ngày 09/12/2021.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT GẮN VỚI VẬN ĐỘNG QUẦN CHỨNG NHÂN DÂN CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh ký ban hành Quyết định số 1739/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng Công an nhân dân giai đoạn 2021 - 2027”.

Đề án được triển khai thực hiện từ năm 2021 đến hết năm 2027 tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố và cộng đồng dân cư khác, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đóng tại xã, phường, thị trấn, cơ sở sản xuất tại các khu công nghiệp, khu chế xuất trên cả nước, các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng do Bộ Công an quản lý (địa bàn cơ sở). Trong đó, ưu tiên thực hiện tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự.

Mục tiêu chung của Đề án nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực trong nhận thức, ý thức chấp hành, học tập, tìm hiểu pháp luật của quần chúng Nhân dân tại các địa bàn cơ sở; nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lãnh đạo, cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân và cả hệ thống chính trị các cấp; đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm, tái phạm tội và các hành vi vi phạm pháp luật khác do thiếu hiểu biết pháp luật.

Đề án phân đầu 100% quy định của pháp luật về an ninh, trật tự liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của công dân như: Các quy định pháp luật về hình sự; dân sự; thi hành án; xử lý vi phạm hành chính; cư trú; đăng ký, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; phòng cháy, chữa cháy; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng, chống ma túy và tệ nạn xã hội... được thông tin kịp thời đến quần chúng Nhân dân bằng hình thức phù hợp (trừ những quy

định thuộc bí mật Nhà nước), đưa pháp luật về an ninh, trật tự vào cuộc sống, nâng cao hiệu quả công tác vận động quần chúng Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở.

Bảo đảm từ 90 - 100% đối tượng đặc thù ở cơ sở thuộc phạm vi quản lý, giáo dục của lực lượng công an nhân dân được phổ biến các quy định pháp luật có liên quan đến quá trình giáo dục, cải tạo, quản lý đối tượng.

Hàng năm xây dựng ít nhất 1 mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật

Hàng năm, công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải lựa chọn, xây dựng ít nhất 1 mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở, tập trung vào những điểm nghẽn lớn, những hạn chế, vướng mắc, bất cập để ưu tiên nguồn lực triển khai thực hiện.

Định kỳ hàng năm tổ chức tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành có liên quan đến an ninh, trật tự cho chủ thể thực hiện Đề án. Phấn đấu 80% đội ngũ cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại cơ sở được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu công tác công an trong tình hình mới.

Xây dựng và duy trì quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng công an nhân dân ở cơ sở với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở.

Đẩy mạnh xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục

Đề án khuyến khích, huy động các đoàn thể, nhà trường, gia đình, tổ chức, cá nhân, người có uy tín trong cộng đồng, tổ chức tư vấn pháp luật, cung cấp dịch vụ pháp lý, cơ sở đào tạo, nghiên cứu chuyên ngành luật tham gia tích cực, thường xuyên phổ biến, giáo dục pháp luật tại cơ sở.

Đẩy mạnh xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, huy động các nguồn kinh phí hỗ trợ tự nguyện từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật, vừa phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại cơ sở, vừa bảo đảm yêu cầu công tác vận động quần chúng của lực lượng công an nhân dân.

Có chính sách hỗ trợ phù hợp đối với cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và triển khai thực hiện nhiệm vụ của Đề án nói riêng.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong phổ biến giáo dục

Đề án phấn đấu 90% công an xã, phường, thị trấn ứng dụng công nghệ thông tin trong phổ biến, giáo dục pháp luật bằng các hình thức phù hợp với yêu cầu công tác công an trên địa bàn và theo quy định của pháp luật.

Để đạt được mục tiêu trên, Đề án sẽ triển khai các giải pháp cụ thể như: Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo, cán bộ, chiến sĩ công an các cấp trong phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở; hoàn thiện chính sách, pháp luật có liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và

công tác vận động quần chúng thuộc phạm vi của Đề án; tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá nhu cầu thông tin về pháp luật của từng nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực tại các thời điểm khác nhau; tổ chức triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật toàn diện, rộng khắp đến mọi đối tượng, địa bàn, lĩnh vực, có trọng tâm, trọng điểm.

Xây dựng và nhân rộng các mô hình điểm

Đề án đổi mới nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật của lực lượng công an nhân dân ở cơ sở theo hướng lấy người dân làm trung tâm và phù hợp với đặc điểm, tính chất của từng nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực, thích ứng với các tình huống đặc biệt phát sinh trong thực tế nhằm trang bị kiến thức pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho quần chúng Nhân dân; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Đồng thời, triển khai xây dựng và nhân rộng các mô hình điểm về phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật, hướng hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về cơ sở; tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của Đề án...

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ NỘI VỤ: KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ HƯỚNG TỚI CHÍNH PHỦ SỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Ngày 15/10, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 1105/QĐ-BNV phê duyệt Kế hoạch phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số của Bộ Nội vụ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

Đảm bảo 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành của Bộ Nội vụ được thực hiện trên nền tảng dữ liệu lớn chuyên ngành nội vụ (Big Data), có quy mô Quốc gia, được quản trị thống nhất; ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa, tự động hóa hoạt động.

Xây dựng và đưa vào vận hành kho dữ liệu dùng chung, sử dụng công nghệ BigData, Data lake thiết lập nền tảng thống nhất để tích hợp, lưu trữ, khai thác, trao đổi và chia sẻ dữ liệu giữa các ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ.

Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ (MOHA), Công thông tin tiếp nhận và trả lời phản ánh kiến nghị của Bộ được nâng cấp lên Công nghệ 4.0, hiện đại, thâm mỹ, tự động hóa cao, lưu trữ dữ liệu lớn, đáp ứng yêu cầu là Công giao tiếp điện tử duy nhất của Bộ Nội vụ đối với cá nhân, tổ chức. Xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp ngành Nội vụ và Trung tâm điều hành thông minh của Bộ Nội vụ (IOC).

Hoàn thành việc sản xuất, cấp phát, quản lý Thẻ công chức, viên chức điện tử trong các cơ quan hành chính nhà nước; Đưa vào vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Xây dựng và đưa vào vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

Hoàn thành thí điểm và đưa vào triển khai trong thực tiễn cơ quan, tổ chức ảo; công chức, viên chức số; xây dựng cơ chế quản lý, vận hành của các đối tượng số trên không gian mạng của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Kiện toàn tổ chức, bộ máy các đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của Bộ theo hướng tăng cường công tác quản lý nhà nước trong việc xây dựng, quản lý vận hành Bộ Nội vụ số; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin công nghệ thông tin của Bộ đủ mạnh, để thực hiện tốt nhiệm vụ.

Nền tảng đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sát hạch, thi nâng ngạch... được xây dựng và đi vào hoạt động hiệu quả tại các cơ sở, đào tạo bồi dưỡng của Bộ; tối thiểu 70% nội dung, chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến.

100% văn bản trao đổi giữa Bộ Nội vụ và các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử và được ký số bởi chữ ký chuyên dùng trừ các văn bản có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước.

90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước). Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần. 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

100% hồ sơ công việc, hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa và tạo lập trên môi trường điện tử, được lưu trữ và chia sẻ dữ liệu trên môi trường điện tử để tiện khai thác và sử dụng. 100% dịch vụ công trực tuyến của Bộ Nội vụ được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng; 100% giao dịch trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử Bộ Nội vụ, kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, được xác thực điện tử.

100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của Bộ Nội vụ được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ và được kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia. 50% các hoạt động văn bản, tài liệu hành chính thông thường (trừ các văn bản có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước) trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của Bộ Nội vụ được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

Hoàn thành việc triển khai đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước qua Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin.

Các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, các nội dung thông tin số trên không gian mạng của ngành Nội vụ.

Định hướng đến năm 2030

Kế thừa và phát huy những kết quả đạt được từ giai đoạn 2021 - 2025 để phát triển Chính phủ số của Bộ Nội vụ nhằm chuyển đổi cách thức tổ chức, vận hành, môi trường làm việc, công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ của mình.

Chuyển đổi cách thức phục vụ người dân, doanh nghiệp mang lại nhiều lợi ích và sự hài lòng của người dân khi giao dịch với Bộ Nội vụ. Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ giữa Bộ Nội vụ và các cơ quan nhà nước, giảm 20% thủ tục hành chính, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Tổ chức khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước; Kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Tổ chức khai thác, quản lý, vận hành kho dữ liệu tổng hợp của Bộ Nội vụ, sử dụng các công nghệ BigData, AI để quản lý, phân tích, cung cấp thông tin hỗ trợ ra quyết định cho các cấp lãnh đạo.

Vận hành hệ thống, kết nối, chia sẻ dữ liệu, tổ chức triển khai đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước qua Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin.

Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021 - 2025

Để đạt được những mục tiêu trên, Bộ Nội vụ xác định những nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể:

Thứ nhất, hoàn thiện môi trường pháp lý: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn nghiệp vụ lưu trữ điện tử; các đề án, dự án về lưu trữ tài liệu điện tử.

Thông tư quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức điện tử. Xây dựng, ban hành các văn bản liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật của thẻ công chức điện tử cũng như các quy định về việc quản lý, sử dụng thẻ công chức điện tử; các quy định về mã hiệu, số hiệu, QR code cán bộ, công chức, viên chức...

Xây dựng và ban hành các quy chế, quy định về quản lý, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin tại Bộ Nội vụ. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định chế độ báo cáo, thống kê ngành Nội vụ trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. Ban hành các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật kết nối, chia sẻ tích hợp các cơ sở dữ liệu của ngành Nội vụ.

Thứ hai, phát triển hạ tầng số: Phát triển hạ tầng điện toán đám mây của Bộ Nội vụ, quy hoạch Trung tâm dữ liệu của Bộ, dự phòng lẫn nhau qua kênh truyền cáp quang dùng riêng, có đường truyền Internet băng rộng tốc độ cao và có kết nối trực tiếp với trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX).

Tiếp tục tăng cường hạ tầng máy chủ, lưu trữ, bảo mật đáp ứng phát triển, vận hành các phần mềm chuyên ngành (Voffice, cổng thông tin điện tử một cửa, Dịch vụ công, các nền tảng tích hợp, chia sẻ,..) các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

Xây dựng trực tích hợp dữ liệu (LGSP) của Bộ Nội vụ, thực hiện kết nối liên thông, đồng bộ, chia sẻ các dịch vụ dùng chung, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Nội vụ phiên bản 2.0.

Hoàn thiện hạ tầng kết nối mạng tại các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, đảm bảo hệ thống mạng nội bộ ổn định, tốc độ cao và an toàn, bảo mật đáp ứng phát triển Chính phủ số.

Thứ ba, phát triển nền tảng hệ thống: Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Nội vụ, thực hiện kết nối liên thông, đồng bộ, chia sẻ các dịch vụ dùng chung, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo Kiến trúc chính phủ điện tử Bộ Nội vụ phiên bản 2.0. Xây dựng hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của bộ và kết nối với hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia, hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia. Phát triển các hệ thống nền tảng cho phát triển Chính phủ số, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Nội vụ.

Thứ tư, phát triển dữ liệu: Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ Chính phủ số của Bộ Nội vụ như: xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước; xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp ngành Nội vụ và Trung tâm điều hành thông minh của Bộ Nội vụ (IOC); xây dựng Đề án Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Triển khai Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin để đánh giá, tiếp nhận ý kiến về kết quả cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”; xây dựng “Hệ thống thông tin quản lý công tác Hợp tác quốc tế của Bộ Nội vụ”; tạo lập bộ cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng trên toàn quốc, bao gồm cả các dữ liệu khen thưởng được lưu trữ từ trước đến nay, làm cơ sở cho việc khai thác, sử dụng các dữ liệu thi đua, khen thưởng phục vụ công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trên môi trường internet...

Xây dựng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của Bộ Nội vụ nhằm lưu trữ tập trung hướng tới hình thành kho dữ liệu dùng chung của Bộ: thiết kế kiến trúc dữ liệu tổng thể của Bộ Nội vụ đảm bảo nguyên tắc mỗi loại dữ liệu chỉ do một đầu mối cung cấp; thiết lập trung tâm dữ liệu điện tử dùng chung có thể chia sẻ, kết nối để tối ưu hóa việc khai thác và đảm bảo tính bảo mật đối với từng loại thông tin; tổ chức thu thập, số hóa và lập chỉ mục dữ liệu đã được số hóa, chuẩn hóa cấu trúc và chuyển đổi các dữ liệu thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ thành dữ liệu điện tử.

Thứ năm, phát triển ứng dụng, dịch vụ số: Phát triển Hệ thống tích hợp Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ Nội vụ với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác.

Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu của người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động... Triển khai các kênh tương tác trực tuyến giữa Bộ Nội vụ và người dân. Xây dựng khai thác vận hành hệ thống thông tin báo cáo của bộ kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thông kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Bộ.

Triển khai các hệ thống làm việc từ xa theo hướng thuê dịch vụ nhằm đa dạng hóa các hình thức làm việc phù hợp với các đối tượng, hoàn cảnh khác nhau... Phát triển các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài Bộ Nội vụ.

Đẩy mạnh việc số hóa (áp dụng ISO điện tử) tại các quy trình nội bộ công việc giữa các đơn vị và với Văn phòng Bộ như cung cấp số liệu, đăng ký xe đi công tác, đăng ký phòng họp, đăng ký làm thêm giờ, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị,... để phục vụ mục tiêu xây dựng Bộ Nội vụ số. Tổ chức triển khai, vận hành phần mềm quản lý văn bản điện tử của Bộ Nội vụ theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi nhận, văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước...

Thứ sáu, đảo đảm an toàn, an ninh mạng: Duy trì triển khai đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp: Lớp 1: Có đơn vị chuyên trách tại chỗ là Phòng Quản lý an toàn thông tin, Trung tâm Thông tin; Lớp 2 và 3: Tự thực hiện giám sát và kiểm tra, đánh giá; Lớp 4: Hệ thống hiện đã kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).

Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai xây dựng hệ thống bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng theo quy định của pháp luật; chủ trì tổ chức thuê dịch vụ đảm bảo an ninh mạng; định kỳ tổ chức tập huấn, diễn tập bảo đảm an toàn thông tin phục vụ Chính phủ số của Bộ Nội vụ. Xây dựng các chính sách và quy định về vai trò và quyền khi truy cập dữ liệu ở các mức độ khác nhau.

Xây dựng các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số gồm: hệ thống giám sát, cảnh báo sớm về nguy cơ an ninh mạng; hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

Hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển Chính phủ số Bộ Nội vụ. Tham gia mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn an ninh mạng quốc gia và các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối, phát động.

05 giải pháp

Bộ Nội vụ cũng đưa ra 05 giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ, đó là: Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức Bộ Nội vụ; Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho toàn thể công chức, viên chức, người lao động của Bộ Nội vụ và toàn thể xã hội về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số và chuyển đổi số; Tăng cường hợp tác quốc tế, bao gồm các hoạt động hợp tác quốc tế trong phát triển công nghệ, Chính phủ điện tử/Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (thăm quan, học tập, chia sẻ);

Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ số phục vụ công tác quản lý, điều hành của Bộ; Thiết lập cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá, đo lường hiệu quả các dự án đầu tư dựa trên số liệu và chế độ báo cáo định kỳ đảm bảo thực thi các mục tiêu trong triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số của Bộ Nội vụ.

Nguồn: moha.gov.vn

BỘ TÀI CHÍNH: DẪN ĐẦU KHỐI CÁC BỘ VỀ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Theo Báo cáo kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh năm 2020 (DTI 2020) vừa được Bộ Thông tin và Truyền thông công bố chiều ngày 19/10, Bộ Tài chính dẫn đầu về mức độ chuyển đổi số năm 2020 của các bộ cung cấp dịch vụ công.

Theo Báo cáo vừa được công bố, mức độ chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh năm 2020 trung bình của các Bộ cung cấp dịch vụ công là 0,3982 và có 11/18 Bộ có giá trị mức độ chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh năm 2020 trên mức trung bình. Với giá trị mức độ chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh là 0,4944, Bộ Tài chính xếp vị trí thứ nhất về mức độ chuyển đổi số của các bộ cung cấp dịch vụ công. Xếp vị trí thứ 2 và 3 lần lượt là Ngân hàng Nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Theo đánh giá của mức độ chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh, trong năm 2020, Bộ Tài chính đã có nhiều hoạt động chuyển đổi số nổi bật như: tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đạt 50%, 100% ứng dụng công nghệ thông tin được kết nối, chia sẻ qua nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu cấp bộ.

Hiệu quả của các hoạt động này cũng được chứng minh qua việc phục vụ người dân và doanh nghiệp tham gia nộp thuế điện tử; 96,28% doanh nghiệp hoàn thuế điện tử; số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến là hơn 98 triệu trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trong năm 2020, đạt tỷ lệ 89,3%; tổng số lượt truy cập trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính năm 2020 là gần 3,4 triệu lượt.

Theo Phó Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính (Bộ Tài chính) Hoàng Xuân Nam, thời gian qua bám sát chỉ đạo của Đảng và Chính phủ, Bộ Tài chính đã thực hiện nhiều giải pháp triển khai ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ công tác quản lý, cải cách thủ tục hành chính. Theo đó, Bộ Tài chính ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích đổi mới, nghiên cứu phát triển và đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Đến nay, Bộ Tài chính đã triển khai có hiệu quả nhiều công nghệ mới, công nghệ lõi như: công nghệ di động, công nghệ phân tích dữ liệu lớn, công nghệ điện toán đám mây trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực quản trị công, nhằm tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng, bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội phát triển.

Ngay từ năm 2017, Bộ Tài chính đã áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để triển khai cung cấp Hệ thống hỏi đáp chính sách tài chính tự động trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính nhằm hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp tự tìm kiếm câu hỏi và trả lời các vấn đề liên quan

đến thách thức về các chính sách của ngành Tài chính một cách tự động, thông minh. Qua đó đã rút ngắn được thời gian trả lời, giải đáp các vướng mắc của người dân, doanh nghiệp về cơ chế chính sách thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành cũng được nghiên cứu, xây dựng trên nền tảng ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn từng bước đáp ứng được yêu cầu thông tin dữ liệu, phục vụ quản lý, điều hành và hoạch định chính sách của ngành Tài chính.

Nhờ đó, đã đảm bảo việc chia sẻ dữ liệu của ngành Tài chính cho các bộ, ngành, địa phương khác có nhu cầu khai thác, sử dụng, đảm bảo tính liên kết, tích hợp, chia sẻ thông tin, giữa các đơn vị trong và ngoài ngành Tài chính.

Ngành Tài chính cũng đã nghiên cứu, áp dụng công nghệ ảo hóa máy chủ trong hệ thống công nghệ thông tin nhằm tối ưu hóa hiệu quả đầu tư phần cứng cũng như giải quyết nhanh các yêu cầu tăng trưởng hạ tầng phần cứng trong thời gian ngắn...

Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã mang lại sự cải thiện đáng kể trong công tác quản lý tài chính ngân sách theo hướng hiện đại, từng bước tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, góp phần quan trọng trong thúc đẩy cải cách thể chế, cải cách hành chính, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ...

Qua đó, tăng độ chính xác, tính kịp thời và minh bạch trong báo cáo tài khóa, kế toán và thống kê ngân sách nhà nước.

Nguồn: tapchitaichinh.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư quy định về việc giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.**

Theo dự thảo, nguyên tắc hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục là độc lập, khách quan, đúng pháp luật. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục độc lập với cơ sở giáo dục, đoàn đánh giá ngoài, Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc đưa ra các quyết định trong hoạt động chuyên môn; bảo đảm không có xung đột lợi ích giữa các bên có liên quan; đưa ra các nhận định, đánh giá khách quan, trung thực.

Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục bảo đảm trung thực trong đánh giá, thẩm định và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Công khai, minh bạch trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục về giấy phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, danh sách hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, danh sách kiểm định viên và kết quả hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

Việc giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục phải tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, công khai; không chông chéo về nội dung, đối tượng, thời gian giám sát, đánh giá với công tác kiểm tra, thanh tra và kiểm toán; không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng chịu sự giám sát, đánh giá.

Nội dung giám sát đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước gồm giám sát việc đáp ứng, duy trì quy định về điều kiện thành lập, cho phép hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; việc tuân thủ quy định về nguyên tắc hoạt động, trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài, giám sát việc thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động ở Việt Nam.

Dự thảo Thông tư nêu rõ 3 hình thức giám sát gồm: Giám sát gián tiếp, giám sát trực tiếp và giám sát tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục qua việc thẩm định kết quả đánh giá.

Giám sát gián tiếp tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục qua việc theo dõi các thông tin trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, trên phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học; báo cáo của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; tiếp nhận thông tin phản hồi từ các bên liên quan, thông tin của công dân gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giám sát trực tiếp tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục qua việc Đoàn giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo làm việc trực tiếp với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục về một hay một số nội dung cần thiết.

Giám sát tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục qua việc thẩm định kết quả đánh giá, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

*** Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học.**

Dự thảo nêu rõ, giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và giảng viên có trình độ tiến sĩ đang công tác tại cơ sở giáo dục đại học được kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định trong điều kiện lao động bình thường để giảng dạy, nghiên cứu khoa học nếu có đủ sức khỏe, tự nguyện xin kéo dài thời gian làm việc và được cơ sở giáo dục đại học chấp nhận.

Thời gian kéo dài đối với những giảng viên thuộc đối tượng quy định trên do cơ sở giáo dục đại học quyết định căn cứ quy định của Bộ luật Lao động, Nghị định hướng dẫn Bộ luật Lao động và các văn bản pháp luật có liên quan.

Quy trình xem xét, quyết định kéo dài thời gian làm việc như sau: 6 tháng trước khi đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định, giảng viên có nguyện vọng đăng ký và nộp hồ sơ cho cơ sở giáo dục đại học để được xem xét kéo dài thời gian làm việc.

Cơ sở giáo dục đại học quyết định việc kéo dài thời gian làm việc căn cứ theo nhu cầu của cơ sở và thông báo cho giảng viên 3 tháng trước khi đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định. Hồ sơ xin kéo dài thời gian làm việc do cơ sở giáo dục đại học quy định.

Chính sách đối với giảng viên trong thời gian làm việc kéo dài: Được xác định là giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, được hưởng lương và các chính sách, chế độ khác theo quy định đối với giảng viên; được đề nghị nghỉ hưu theo quy định nếu có nhu cầu.

Theo dự thảo, hệ thống chức danh và tiêu chuẩn các chức danh giảng viên là căn cứ để xếp hạng chức danh nghề nghiệp và thực hiện các chế độ chính sách đối với giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học.

Chính sách đối với giảng viên được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư: Giảng viên là viên chức của cơ sở giáo dục đại học công lập sau khi được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư được xem xét, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định. Việc xếp lương được thực hiện theo quy định hiện hành.

Giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư giảng dạy tại cơ sở giáo dục đại học tư thục được hưởng chế độ đãi ngộ và điều kiện làm việc do cơ sở quy định.

Cơ sở giáo dục đại học tư thục quy định cụ thể chế độ chính sách đối với giảng viên, bảo đảm không thấp hơn chế độ chính sách dành cho giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học công lập có cùng trình độ đào tạo và thâm niên công tác.

*** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, trong quá trình thực hiện, Nghị định số 50/2016/NĐ-CP đã bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc cần phải được rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp tình hình thực tế hiện nay. Do vậy, việc nghiên cứu, xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 50/2016/NĐ-CP là cần thiết nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung những quy định đã được quy định tại các luật mới được ban hành, đảm bảo các văn bản quy phạm pháp luật về kế hoạch và đầu tư được tổ chức thi hành đồng bộ, hiệu quả trên thực tế. Đồng thời, bãi bỏ một số quy định không còn phù hợp, không có căn cứ để xử phạt. Kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

Quan điểm xây dựng Nghị định là kế thừa, phát triển những quy định còn phù hợp của Nghị định số 50/2016/NĐ-CP; bổ sung những quy định mới để khắc phục một cách cơ bản một số khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tế. Đảm bảo ngăn chặn và xử lý kịp thời hành vi đi ngược với quan điểm cải cách hành chính, gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư và nhà thầu; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người dân và doanh nghiệp; bảo đảm quyền tự do đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề pháp luật không cấm.

Dự thảo Nghị định quy định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư bao gồm: Vi phạm quy định trong lĩnh vực đầu tư (bao gồm: đầu tư công, đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài, đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)); vi phạm quy định trong lĩnh vực đấu thầu (bao gồm đấu thầu lựa chọn nhà thầu và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất); vi phạm quy định trong lĩnh vực đăng

ký doanh nghiệp; vi phạm quy định trong lĩnh vực quy hoạch. So với Nghị định số 50/2016/NĐ-CP, dự thảo Nghị định lần này bổ sung các hành vi trong các lĩnh vực: Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP); đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; quy hoạch.

Về hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, dự thảo Nghị định quy định 02 hình thức xử phạt chính là “Cảnh cáo” và “Phạt tiền”. Ngoài ra, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả được quy định cụ thể tại các điều từ Chương II đến Chương V Nghị định này.

Việc quy định hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả là phù hợp với quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và kế thừa kết quả thực tế triển khai Nghị định số 50/2016/NĐ-CP.

Về thời hiệu và thời điểm xác định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, Dự thảo quy định về “Thời hiệu và thời điểm xác định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính” (Điều 5) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật vì trên thực tế, nhiều tổ chức, cá nhân phản ánh gặp khó khăn, vướng mắc trong việc xác định thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

Theo đó, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại dự thảo Nghị định đối với lĩnh vực đầu tư, đấu thầu và đăng ký doanh nghiệp là 01 năm; đối với lĩnh vực quy hoạch là 02 năm.

*** Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, dễ tiếp cận, đa dạng về loại hình, hình thức tổ chức, phân bố hợp lý về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, cơ cấu vùng miền, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao, có sức cạnh tranh và sáng tạo trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; tham gia hiệu quả vào thị trường đào tạo nhân lực và thị trường lao động không biên giới và đa văn hóa trong hội nhập quốc tế.**

Đó là mục tiêu Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất tại dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Theo dự thảo, mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025 là hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả thông qua việc sắp xếp lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập hiện có và đẩy mạnh phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập. Hình thành mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, đa dạng về loại hình, hình thức tổ chức, phân bố một cách phù hợp và hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động địa phương, vùng, đất nước và từng bước tham gia sâu rộng vào cung cấp nguồn nhân lực cho thị trường quốc tế.

Giảm số lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập 10% so với năm 2020 (số trường trung cấp giảm 50% so với năm 2020), phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập lên 40% vào năm 2025; có khoảng 70 trường chất lượng cao, trong đó 40 trường tương đương trình độ các nước ASEAN-4; 5 - 7 trường tương đương trình độ các nước phát triển trong

nhóm G20; hệ thống ngành, nghề trọng điểm quốc gia được hình thành, trong đó 5 - 10 ngành, nghề, lĩnh vực có năng lực cạnh tranh vượt trội trong ASEAN-4.

Phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập lên 45% vào năm 2030

Giai đoạn 2026 - 2030, đẩy mạnh nâng cao chất lượng hoạt động mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tập trung vào các ngành, nghề thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước, cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập phát triển nhanh, đa dạng về loại hình, hình thức và quy mô dựa trên nhu cầu phát triển của thị trường.

Phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập lên 45% vào năm 2030; 100% địa phương hình thành trường cao đẳng đa ngành công lập cấp tỉnh từ việc sắp xếp lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành một đơn vị sự nghiệp công lập; có khoảng 90 trường chất lượng cao, trong đó 50 trường tương đương trình độ các nước ASEAN-4, 15 trường tương đương trình độ các nước phát triển trong nhóm G20; ngành, nghề trọng điểm quốc gia ngày càng hoàn thiện, trong đó 15 - 20 ngành, nghề, lĩnh vực có năng lực cạnh tranh vượt trội trong khu vực và thế giới.

Định hướng đến 2045 phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng mở, tinh gọn, hiệu quả, phân tầng chất lượng, chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa. Theo đó, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ công về giáo dục nghề nghiệp bảo đảm nhu cầu học nghề, tham gia vào quá trình kết nối thị trường lao động đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương, đồng thời bảo đảm nguyện vọng học tập suốt đời của người dân, góp phần xây dựng xã hội học tập. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chất lượng cao nằm trong nhóm dẫn đầu các nước Đông Nam Á và ngang bằng với một số nước phát triển.

Để đạt được các mục tiêu trên, dự thảo đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu như: Giải pháp về cơ chế, chính sách; phát triển đội ngũ nhà giáo, người dạy nghề và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị; liên kết, hợp tác phát triển; giải pháp về hợp tác quốc tế; huy động và phân bổ vốn đầu tư...

Nguồn: baochinhphu.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, ĐỒNG HÀNH CÙNG DOANH NGHIỆP

TP. Hồ Chí Minh đã và đang nỗ lực triển khai các giải pháp hiệu quả nhằm vượt qua khó khăn, ổn định kinh tế - xã hội, tạo tiền đề vững chắc cho các năm tiếp theo. Trong đó, cải thiện môi trường đầu tư, đồng hành với doanh nghiệp, nhà đầu tư để tháo gỡ các vướng mắc, xây dựng các chính sách kiến tạo phát triển là một trong những ưu tiên hàng đầu của chính quyền Thành phố.

Tại kỳ họp thứ 3, Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2025, đã có nhiều nội dung quan trọng được các đại biểu thảo luận, cho ý kiến.

Phát biểu tại phiên thảo luận tổ diễn ra chiều ngày 18/10, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Phan Văn Mãi cho biết, trong thời gian tới, cùng với khôi phục kinh tế thì thành phố cũng đẩy mạnh việc an sinh, sắp xếp lại đô thị như chuyện nhà ở cho công nhân, người thu nhập thấp. "Nếu có chính sách tốt, vài tháng nữa TP. Hồ Chí Minh có thể cải tạo hàng trăm, thậm chí hàng trăm ngàn nhà trọ để người dân có thể cải thiện ngay chỗ ở. Còn việc xây nhà 5 tầng, 10 tầng thì phải một năm nữa", đồng chí Phan Văn Mãi thông tin.

Bên cạnh đó, đồng chí Phan Văn Mãi cũng cho biết TP Hồ Chí Minh sẽ có khung chính sách đổi mới việc chăm lo cho người già neo đơn và trẻ mồ côi do COVID-19. Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đây là vấn đề xã hội rất lớn, cần phải làm cẩn trọng và sâu sắc, thực hiện đúng ý nghĩa nhân văn. Đặc biệt, tránh cho các em sự tổn thương thêm và bị lợi dụng.

Chia sẻ về giai đoạn phục hồi kinh tế, Chủ tịch Phan Văn Mãi cho rằng, một trong những việc cần làm ngay đó là phải cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ; lắng và giải quyết thấu đáo từng vướng mắc, với tinh thần tất cả cùng thi đua để xây dựng thành phố.

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP. Hồ Chí Minh Tô Thị Bích Châu cho rằng, trong thời gian qua, TP. Hồ Chí Minh đã triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng dịch COVID-19. Qua đó khơi dậy, phát huy tinh thần tương thân, tương ái trong cộng đồng, huy động các nguồn lực xã hội và nhân rộng các hoạt động thiện nguyện. Kịp thời giúp đỡ các hộ lao động nghèo, không để ai thiếu ăn, thiếu mặc, được cử tri và nhân dân đồng tình, đánh giá cao.

Tuy nhiên, qua phản ánh của cử tri và Nhân dân, thực tế vẫn còn một số đối tượng chưa được tiếp cận các gói hỗ trợ của Chính phủ và thành phố.

Đồng chí chỉ ra, việc lập danh sách để cập nhật vào phần mềm vẫn còn nhiều sai sót, xử lý chậm, nên đã ảnh hưởng đến tiến độ chi hỗ trợ đợt 3. Ngoài ra, vẫn còn tình trạng lợi dụng

việc thực hiện chính sách phòng chống dịch COVID-19 để trực lợi, gây mất niềm tin trong Nhân dân.

Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP. Hồ Chí Minh kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp, nhất là ở cơ sở cần rà soát kỹ lại các trường hợp chưa nhận được tiền hỗ trợ theo các Nghị quyết của Chính phủ, Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh, xem xét để có biện pháp giải quyết thỏa đáng, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đồng chí cũng đề nghị Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chỉ đạo Sở Y tế cần khẩn trương có kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm từng bước nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở một cách bền vững để chăm sóc sức khỏe người dân hiệu quả hơn.

Tập trung các giải pháp để TP. Hồ Chí Minh nhanh chóng hồi phục kinh tế, vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay được xem là nội dung quan trọng của kỳ họp lần này.

Trình bày tờ trình về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, thu chi ngân sách 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 3 tháng cuối năm 2021, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Lê Hòa Bình nhấn mạnh, trong giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19, TP. Hồ Chí Minh chủ động tổ chức nhiều buổi tiếp xúc trực tiếp và trực tuyến với các hiệp hội doanh nghiệp trong, ngoài nước để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc, đề ra các phương thức sản xuất phù hợp an toàn, không để đứt chuỗi cung ứng, sản xuất và xuất nhập khẩu.

TP. Hồ Chí Minh đã và đang nỗ lực triển khai các giải pháp hiệu quả nhằm vượt qua khó khăn, ổn định kinh tế - xã hội, tạo tiền đề vững chắc cho các năm tiếp theo hoàn thành các mục tiêu đề ra. Trong đó, cải thiện môi trường đầu tư, đồng hành với doanh nghiệp, nhà đầu tư để tháo gỡ các vướng mắc, xây dựng các chính sách kiến tạo phát triển là một trong những ưu tiên hàng đầu của chính quyền Thành phố.

Để cải thiện môi trường đầu tư trong bối cảnh hiện nay, một trong những giải pháp trọng tâm của Thành phố đó là kiện toàn, đổi mới mô hình hoạt động tổ công tác đầu tư trên địa bàn Thành phố. Đồng thời, quyết định thành lập tổ công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án đầu tư có sử dụng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn thành phố. TP. Hồ Chí Minh cũng thành lập tổ công tác tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

Cũng tại kỳ họp, một số đại biểu đã đề nghị Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh nghiên cứu, đề xuất có một ngày tưởng niệm chính thức cho đồng bào tử vong và cán bộ, chiến sĩ hy sinh trong đại dịch COVID-19.

“Có thể chọn thời gian cụ thể một ngày, một buổi hay một chương trình. Chúng ta cũng nên lựa chọn địa điểm, không gian và biểu tượng cụ thể, phù hợp hoạt động, tính chất trang nghiêm của hoạt động tưởng niệm”, đại biểu Tăng Hữu Phong đề xuất và cho biết, nhiều nước trên thế giới cũng đã chọn một ngày hoặc dài hơn để thực hiện hoạt động tưởng niệm.

Nguồn: dangcongsan.vn

HÒA BÌNH: DÂN CHỦ, MINH BẠCH, TRONG SẠCH, CHUYÊN NGHIỆP, HIỆN ĐẠI

Cải cách hành chính được tỉnh Hòa Bình xác định là một trong bốn khâu đột phá chiến lược. Thời gian qua, tỉnh đã tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan quản lý nhà nước. Mục tiêu hướng đến là xây dựng hệ thống chính trị minh bạch, năng động, luôn đồng hành với người dân và doanh nghiệp.

Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình Bùi Văn Khánh cho biết: Thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục phân công “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm” trong thực hiện cải cách hành chính, nhất là nêu cao trách nhiệm người đứng đầu; gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong cải cách hành chính. Tỉnh cũng tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, người dân và doanh nghiệp trong giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động thực thi nhiệm vụ của cơ quan hành chính nói chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói riêng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bùi Văn Khánh nhấn mạnh: Tỉnh Hòa Bình sẽ siết chặt hơn nữa kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kịp thời đưa ra khỏi bộ máy những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, mất uy tín với Nhân dân. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá.

Nguồn: daibieunhandan.vn

VĨNH PHÚC: HIỆU QUẢ TỪ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG ZALO TRONG HÀNH CHÍNH CÔNG

Việc triển khai ứng dụng Zalo trong giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc tạo ra một quy trình tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả mà không cần in ấn, rất phù hợp trong điều kiện phòng chống dịch COVID-19.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về cải cách thủ tục hành chính tạo sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp gắn với phòng chống dịch hiệu quả, thời gian qua, Trung tâm Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc đã triển khai nhiều giải pháp về công nghệ thông tin. Qua đó, giảm thời gian, chi phí, đảm bảo công khai, minh bạch trong

quá trình giải quyết thủ tục hành chính, tăng sự tương tác, kết nối giữa người dân, doanh nghiệp với các cơ quan hành chính nhà nước trong thời gian dịch bệnh phức tạp.

Có thể nói, tỉnh Vĩnh Phúc là tỉnh tiên phong của cả nước triển khai thành công ứng dụng Zalo trong giải quyết thủ tục hành chính từ cách đây 3 năm. Đến nay, những kết quả mang lại đã đóng góp quan trọng vào mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử, Chính phủ số của Việt Nam.

Khi người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công chỉ cần ký xác nhận trên bàn ký điện tử. Giấy "Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả" kèm theo chữ ký của người dân và cán bộ công chức sẽ được gửi trực tiếp qua Zalo.

Xuyên suốt quá trình xử lý thủ tục hành chính, tình trạng hồ sơ sẽ được cập nhật trên tin nhắn Zalo để công dân tiện theo dõi. Đến ngày trả kết quả, người dân mang điện thoại có "Giấy hẹn Zalo" đến và xuất trình tại cơ quan nhà nước.

Cán bộ hành chính công sẽ quét mã QR để trả kết quả cho người dân. Lúc này, người dùng tiếp tục dùng bàn ký số để xác nhận kết quả. Sau khi có xác nhận của người dân, kết quả sẽ được đưa vào hệ thống để lưu trữ, thay cho văn bản giấy.

Qua 3 năm triển khai, hiện có gần 120.000 người theo dõi Cổng dịch vụ công tỉnh Vĩnh Phúc trên Zalo, bằng 10% dân số toàn tỉnh.

Hàng ngày, hệ thống gửi trung bình hơn 2.000 tin nhắn tới người dân thông báo về tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, đánh giá chất lượng dịch vụ; tiếp nhận gần 100 lượt tin nhắn từ người dân đề nghị hệ thống chatbot trả lời tự động cung cấp thông tin.

Các thông tin mới nhất về chính sách, hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, dịch COVID-19... cũng được đăng tải đều đặn dưới dạng tin bài, thu hút hàng chục nghìn lượt xem mỗi tuần.

Hiện Cổng dịch vụ công tỉnh Vĩnh Phúc trên Zalo không ngừng được nâng cấp, cập nhật các tính năng mới, thể hiện rõ chức năng là kênh thông tin chính thống của tỉnh trong việc cung cấp thông tin giải quyết dịch vụ công. Hỗ trợ hiệu quả cho tổ chức, người dân trong việc cập nhật thông tin giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính...

Thời gian tới, cùng với việc nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, Cổng dịch vụ công tỉnh Vĩnh Phúc trên Zalo có tiềm năng phát triển thành một kênh thông tin tổng hợp đối với người dân trên tất cả các lĩnh vực trong cuộc sống như thông tin về y tế, giáo dục, giao thông, quy hoạch, thông báo giấy phép lái xe sắp hết hạn, thông báo các chương trình hành động, mục tiêu của tỉnh...

Tính đến hiện tại, có 56 trên 63 tỉnh thành cùng nhiều bộ ban ngành sử dụng Zalo trong công tác truyền thông và cải cách hành chính. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công trực tuyến, phục vụ tốt hơn cho tổ chức, cá nhân, đem đến sự thuận tiện nhanh chóng, tăng cường tương tác giữa người dân và chính quyền trên môi trường mạng. Điều này rất phù hợp trong tình hình cao điểm phòng chống dịch COVID-19 trên cả nước hiện nay.

Nguồn: vietnamnet.vn

THÁI NGUYÊN: THỊ XÃ PHỔ YÊN TẠO NỀN TẢNG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ

Nhằm đáp ứng sự phát triển của địa phương, TX. Phổ Yên đang tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính, quản lý và cung cấp dịch vụ hành chính công. Qua đó, góp phần từng bước xây dựng chính quyền điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính tại địa phương.

Khoảng hơn 1 năm trở lại đây, khi đến giải quyết thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Tiến, người dân có thể thực hiện thông qua máy ki ốt thông tin dịch vụ công. Chị Trần Thị Vân, người dân ở xóm Đông Sinh (xã Hồng Tiến) chia sẻ: Vừa qua, tôi đến Ủy ban nhân dân xã thực hiện thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất của gia đình và được công chức địa chính xã hướng dẫn sử dụng máy ki ốt thông tin dịch vụ để tra cứu. Qua sử dụng tôi thấy thao tác trên máy rất thuận lợi, các thông tin về quy trình thủ tục, thời gian thực hiện, lệ phí được trình bày cụ thể, dễ hiểu. Do đó, tôi đã có thể chủ động tìm hiểu khi cán bộ địa chính bận tiếp công dân khác, giúp tiết kiệm thời gian chờ đợi.

Từ năm 2019 đến nay, TX. Phổ Yên đã đầu tư 8 máy ki ốt thông tin dịch vụ công tại các xã, phường đã xây dựng riêng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Cùng với việc thực hiện các giải pháp số trong giải quyết các thủ tục hành chính, thị xã còn đầu tư các thiết bị điện tử để triển khai dịch vụ công trực tuyến như máy tính, máy in, phần mềm đăng ký giao dịch và đánh giá sự hài lòng của công dân... Bên cạnh ứng dụng công nghệ thông tin, TX. Phổ Yên cũng từng bước hiện đại hóa công tác quản lý hành chính công.

Đến nay, 100% cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường đã sử dụng chữ ký số trên văn bản điện tử trong hệ thống quản lý văn bản và điều hành; 95% cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức từ thị xã đến các xã, phường sử dụng hòm thư điện tử để phục vụ công việc. Đặc biệt, hiện nay, TX. Phổ Yên đang xây dựng Trung tâm Điều hành thông minh.

Trưởng phòng Phòng Văn hóa và Thông tin TX. Phổ Yên Đinh Thị Kim Tuyết chia sẻ: Trung tâm điều hành thông minh được xây dựng và hoạt động thông qua phần mềm ứng dụng với các hợp phần: Giám sát và chỉ đạo điều hành chỉ tiêu kinh tế - xã hội; giám sát hiệu quả hoạt động của chính quyền; giám sát, điều hành lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, môi trường; giám sát, điều hành lĩnh vực du lịch tương tác, giao tiếp phục vụ công dân; giám sát an ninh, an toàn thông tin; an ninh trật tự và an toàn giao thông. Ngoài ra, công nghệ được áp dụng trong hệ thống còn cho phép thực hiện phân tích dữ liệu lớn để đưa ra các cảnh báo, hỗ trợ công tác ra quyết định, xây dựng phương án tổ chức, điều hành của các cấp chính quyền...

Nhờ việc tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin cũng như thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý hành chính Nhà nước, năm vừa qua, Phổ Yên được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đánh giá xếp hạng 2 trong số 9 huyện, thành phố về

Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với việc phục vụ của cơ quan hành chính trên địa bàn.

Tuy vậy, khó khăn hiện nay của địa phương là một bộ phận người dân ở các xã phía Tây vẫn chưa có thói quen sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Để khắc phục điều này, thời gian tới, thị xã sẽ tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân, cùng với đó tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện cải cách hành chính tại các xã, phường; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện Trung tâm Điều hành thông minh thị xã...

Nguồn: baothainguyen.vn

QUẢNG NAM: BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT VỀ ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Ngày 14/10/2021, Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam lần thứ năm, khóa XXII ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TU về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Theo đó, Nghị quyết xác định quan điểm: Công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, cơ bản, xuyên suốt, lâu dài trong chiến lược xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Nam, đòi hỏi các cấp, các ngành, nhất là người đứng đầu phải có quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt trong quá trình thực hiện. Cải cách hành chính phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc trên cơ sở ứng dụng có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước; cung cấp tối đa các dịch vụ tiện ích số cho người dân, doanh nghiệp theo hướng đơn giản, dễ tiếp cận, sử dụng.

Xây dựng chính quyền liêm chính, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy mục tiêu tăng cường niềm tin và nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ, chất lượng điều hành của cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cơ sở. Tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp và tổ chức khác tham gia một cách phù hợp vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tương tác với cơ quan nhà nước để tăng cường tính minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ, cùng giải quyết công việc và cùng tạo ra giá trị sản phẩm cho xã hội.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, Nghị quyết cũng đề ra các mục tiêu cụ thể: Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của Quảng Nam thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thuộc nhóm 06 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Tỉnh Quảng Nam thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu về chính quyền điện tử, chính quyền số.

100% các văn bản hướng dẫn thi hành, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải được rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế phù hợp, kịp thời theo quy định hiện hành, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên; số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng lại của tỉnh.

Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt 90% trở lên; trong đó, lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt 85% trở lên. Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ cung cấp y tế, giáo dục công lập đạt 85% trở lên.

Giảm ít nhất 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên) và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước (trừ biên chế sự nghiệp giáo dục - đào tạo và y tế) so với năm 2021.

100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật). 90% hồ sơ công việc tại tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% giao dịch trên các Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của các cấp được xác thực điện tử; 90% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền thuộc tỉnh.

Nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 16-NQ/TU, Tỉnh ủy Quảng Nam đề ra các nhiệm vụ và giải pháp như sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền trong thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về đẩy mạnh cải cách hành chính; đề cao vai trò, xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Xác định công tác cải cách hành chính là khâu đột phá quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chính quyền; chú trọng kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu; giám sát chuyên đề đột xuất, phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm.

Thứ hai, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có tư duy khoa học, đổi mới, có phương pháp, kỹ năng, phong cách làm việc hiện đại, chuyên nghiệp: Ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng

việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương. Xây dựng phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

Thứ ba, đẩy mạnh cải cách thể chế, xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh: Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo phù hợp với quy định của Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh, tạo môi trường tốt nhất cho doanh nghiệp, người dân thực hiện hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh. Thực hiện phân cấp, ủy quyền tối đa theo quy định của pháp luật, nhất là các lĩnh vực về quản lý đất đai, quy hoạch, xây dựng, tài chính, đầu tư, xây dựng cơ bản...

Thứ tư, quyết liệt cải cách thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (chi phí chính thức và không chính thức) để thúc đẩy môi trường kinh doanh minh bạch, thông thoáng: Triển khai đồng bộ, hiệu quả mục tiêu “4 tăng” (tăng tính công khai minh bạch; tăng cường trách nhiệm trong thực thi công vụ; tăng cường phương thức giải quyết thủ tục hành chính qua môi trường mạng; tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp); “2 giảm” (giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính; giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính); “2 không” (không gây phiền hà, sách nhiễu; không trễ hẹn); Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; kiến nghị loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.

Thứ năm, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: Tiếp tục thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo quy định của Trung ương, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính....

Thứ sáu, cải cách tài chính công: Tiếp tục thực hiện giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công; trong đó, từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng hợp lý tỷ trọng chi đầu tư, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ và tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế...

Thứ bảy, tạo bước đột phá trong hiện đại hóa nền hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số: Nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung trong các cơ quan nhà nước, cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội nhằm đảm bảo việc lưu trữ, chia sẻ thông tin được tập trung, tối ưu, nhanh chóng, an toàn; chú trọng nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành phục vụ công tác quản lý, điều hành, trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh. Chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ tin học, đáp ứng yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Thứ tám, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội: Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Đổi mới việc xây dựng và ban hành nghị quyết của Tỉnh ủy và các cấp ủy theo hướng xác định rõ vai trò chủ thể của Nhân dân, lấy việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho Nhân dân làm mục tiêu xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cũng như hoạch định và thực hiện chính sách. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng gắn với phân công trách nhiệm rõ ràng, cụ thể cho tập thể, cá nhân có liên quan; Rà soát, điều chỉnh Bộ thủ tục hành chính của các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy cho phù hợp với tình hình thực tiễn và triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả; Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp theo tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh tiếp tục tăng cường tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng hành chính hóa, phát huy vai trò nòng cốt tập hợp, đoàn kết Nhân dân xây dựng cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; thực hiện dân chủ, giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Công Vũ, Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam

KHÁNH HÒA: CẢI THIỆN CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH

Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa Lê Hữu Hoàng: đánh giá, năm 2020, một số Chỉ số thành phần Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh còn thấp, như: tính minh bạch (5,54 điểm), tính năng động của chính quyền (5,75), dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (5,41), thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (5,94)... Tuy nhiên, tiến độ cải thiện chỉ số đã bị chậm so với kế hoạch đề ra đầu năm. Vì vậy, tỉnh Khánh Hòa cần có các giải pháp cũng như triển khai nhanh các công việc nhằm cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2021.

Theo Trưởng Đại diện Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Khánh Hòa Đặng Thị Thu Nguyệt, để cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh cần xây dựng và triển khai Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp huyện, thị xã, thành phố (DDCI) và Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành (DCI) trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, thực hiện khảo sát, lấy ý kiến của các chủ thể sản xuất, kinh doanh về năng lực điều hành của các sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố của tỉnh.

Thời gian qua, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Khánh Hòa, các hội, hiệp hội doanh nghiệp để giải quyết khó khăn,

vướng mắc cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo đúng quy chế phối hợp đã được ban hành. Hàng tháng Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tình hình giải quyết khó khăn, kiến nghị chung của doanh nghiệp; đồng thời, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp giải quyết. Vừa qua, Tổ công tác Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đã có văn bản gửi các thành viên Tổ giúp việc của Tổ công tác Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đề xuất các giải pháp cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Theo Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa Lê Hữu Hoàng: Thời gian tới, tỉnh Khánh Hòa sẽ tiếp tục đổi mới, cải cách hành chính và thu hút đầu tư. Chính quyền sẽ nỗ lực hơn nữa trong việc phục vụ người dân, doanh nghiệp nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu kép về phát triển kinh tế và kiểm soát dịch bệnh. Đặc biệt, tỉnh sẽ tiếp tục học hỏi cũng như phát triển các mô hình hay để nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; quan tâm hơn nữa đến các lĩnh vực khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ươm mầm khởi nghiệp.

Phó Giám đốc Sở Công Thương Nguyễn Sanh Dương đề nghị, cần tổ chức Hội nghị chuyên sâu để đánh giá lại kết quả thời gian qua và đưa ra giải pháp nâng cao các Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong thời gian tới. Khi xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cần tạo thành các nhóm chỉ số để giao cho từng nhóm sở, ngành chứ không nên giao chỉ số cụ thể riêng lẻ cho từng sở, ngành. Trong khi đó, Phó Giám đốc Sở Nội vụ Nguyễn Văn Minh cho rằng, việc phân công nhiệm vụ theo các chỉ số thành phần còn chưa hợp lý bởi có chỉ số liên quan đến nhiều sở, ngành. Do đó, muốn cải thiện được Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2021 cần phân công vai trò điều phối và có hành động cụ thể.

Theo Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp (Sở Kế hoạch và Đầu tư) Phan Nam Sách thời gian qua, do dịch bệnh nên việc triển khai các giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh chưa được như kế hoạch. Thời gian tới, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh giao từng chỉ số cụ thể cho các sở, ngành có liên quan để các đơn vị này có trách nhiệm chính trong việc đưa ra giải pháp cải thiện. Sắp đến, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp, dự kiến tổ chức vào cuối tháng 11/2021.

Phó Chủ tịch Thường trực Lê Hữu Hoàng yêu cầu các đơn vị nỗ lực phối hợp thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tổ công tác, Tổ giúp việc cần đưa ra các giải pháp cụ thể để cải thiện các chỉ số có điểm thấp. Thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam sẽ tổ chức hội nghị để bàn các giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Từ ngày 5 đến 15 - 11, Tổ công tác thực hiện kiểm tra tại các địa phương, điểm nào tốt cần phát huy, điểm thấp phải đưa ra phương án khắc phục.

Nguồn: baokhanhhoa.vn

ĐẮK LẮK: TẠO ĐỘT PHÁ CHO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định, cải cách hành chính là khâu đột phá. Song thực chất, hiệu quả “đột phá” này là gì, có bài học kinh nghiệm nào để nhiệm kỳ mới 2020 - 2025, tỉnh Đắk Lắk sẽ phát huy thành quả, tăng thêm quyết sách hữu hiệu?

Báo cáo nhiệm kỳ 2015 - 2020 của Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk cho thấy, lĩnh vực cải cách hành chính là khâu đột phá tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Song kết quả cải cách hành chính này chỉ tạo những chuyển biến về nền tảng hệ thống ứng dụng công nghệ quản lý Nhà nước, trong bộ máy công chức, viên chức, chưa đạt chỉ số hài lòng của người dân như mong muốn.

Theo đánh giá của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2015 - 2020, công tác cải cách hành chính được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk rất quan tâm, từ xây dựng kế hoạch, nắm tình hình, định hướng các mục tiêu, đến phân công nhiệm vụ cụ thể, giải quyết các khó khăn vướng mắc, để lấy cải cách hành chính làm động lực chuyển biến về nhận thức của đội ngũ.

“Chốt lẩy” định hướng này là Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 18/4/2017 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước.

Theo đó, hàng năm, tỉnh Đắk Lắk đã lựa chọn những chủ đề trọng yếu để tạo khâu đột phá về cải cách hành chính, như tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong xây dựng nền hành chính phục vụ (năm 2018); sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan Nhà nước các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (năm 2019); năm hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (năm 2020).

Qua các chủ đề này, hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính ở các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Toàn tỉnh đã kiểm tra 189 đợt tại 100% sở, ban, ngành, 100% Ủy ban nhân dân cấp huyện và phần lớn Ủy ban nhân dân cấp xã.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã cụ thể hóa các cơ chế chính sách, ban hành trên 1.220 văn bản chỉ đạo, điều hành, đôn đốc hoạt động cải cách hành chính. Đặc biệt ở các cơ quan, đơn vị có nhiều giao dịch hành chính liên quan trực tiếp đến công dân, doanh nghiệp như Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban nhân dân TP. Buôn Ma Thuột..., công tác kiểm tra được tiến hành thường xuyên.

Đến cuối năm 2020, tỉnh đã đạt 3/4 mục tiêu cải cách theo Nghị quyết 07. Một số nội dung được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đặc biệt quan tâm như nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện cải cách hành chính; họp mặt doanh nghiệp để giải quyết khó khăn, vướng mắc; đưa Trung tâm Phục vụ Hành chính công vào hoạt động; đưa chữ ký số vào xử lý, ban hành văn bản; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành

chính ở các lĩnh vực liên quan doanh nghiệp và người dân, như thuế, kho bạc, hải quan, đất đai, ứng dụng công nghệ thông tin, tư pháp hộ tịch.

Tuy nhiên, theo Giám đốc Sở Nội vụ Bạch Văn Mạnh, cải cách thủ tục hành chính được tỉnh quan tâm thường xuyên, nhưng vẫn chưa đáp ứng tốt yêu cầu của người dân.

Thực tế sau 3 năm thực hiện Nghị quyết 07, tỉnh đã gắn kết công tác cải cách hành chính với thực hiện Pháp lệnh dân chủ cơ sở, ghi nhận sự tham gia của người dân vào các vấn đề chung ở địa phương. Đã có hơn 10.670 lượt người dân, doanh nghiệp được lấy ý kiến về dịch vụ công, nhằm đo lường sự hài lòng của cộng đồng với một số dịch vụ y tế và giáo dục công.

Trong đó, có 50% ý kiến được khảo sát cho rằng, cần tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính và cần rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ công. Đánh giá từ Chỉ số hài lòng của người dân đối với thủ tục hành chính (PAPI) của tỉnh ở các dịch vụ chứng thực, xác nhận, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... vẫn thuộc nhóm 16 tỉnh thấp nhất cả nước.

Thống kê Sở Nội vụ cho thấy, từ năm 2016 tới nay, chỉ có 27.036 hồ sơ được nộp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến với mức độ 3, trên tổng số 754.203 hồ sơ được nộp trực tiếp trên hệ thống iGate, chiếm tỷ lệ 3,58%. Có 19.261 hồ sơ được nộp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến mức độ 4, trên tổng số 754.203 hồ sơ được nộp trực tiếp trên hệ thống iGate, chiếm tỷ lệ 2,55%.

Một số địa bàn cơ sở vẫn còn tình trạng trễ hẹn khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp. Kết quả điều tra Chỉ số hài lòng của người dân từ Bộ Nội vụ cho thấy, chỉ có 33,93% hồ sơ trễ hẹn trên địa bàn tỉnh nhận được thông báo của cơ quan hành chính Nhà nước, và chỉ có 19,64% hồ sơ trễ hẹn được cơ quan xin lỗi vì trễ hẹn.

Từ thực tế đó, theo kết quả đánh giá của Bộ Nội vụ công bố hàng năm, có thể thấy các Chỉ số về cải cách hành chính của tỉnh Đắk Lắk vẫn chưa đạt kết quả đề ra, thậm chí còn chuyển dần về phía cuối bảng xếp hạng tỉnh thành cả nước. Địa phương còn thiếu sáng kiến mang tính đột phá, nhất là về cải cách chi tiêu tài chính công và ứng dụng hiện đại hóa hành chính.

Đặc biệt, các khảo sát, điều tra xã hội học của Bộ Nội vụ cũng cho thấy, người dân chưa đánh giá cao công tác cải cách hành chính của tỉnh Đắk Lắk. Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa bám sát thực hiện Bộ chỉ số cải cách hành chính.

Đội ngũ công chức, viên chức vẫn còn hiện tượng giao tiếp chưa tốt, gây phiền hà, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp cả ở cấp tỉnh, huyện và cấp xã. Chỉ số hài lòng về công chức tỉnh Đắk Lắk nói chung đạt 73,49% và thấp hơn mức trung bình của cả nước.

Tất cả cho thấy, “đột phá” cải cách hành chính của tỉnh Đắk Lắk đang rất cần hướng vào kết quả phải đảm bảo cho được mức độ hài lòng của người dân. Đây cũng là yêu cầu then chốt để Đảng bộ địa phương trong nhiệm kỳ mới cần đặt ra, và mạnh dạn có những quyết sách mạnh mẽ hơn nữa để thực hiện.

Nguồn: vtc.vn

AN GIANG: CUNG CẤP 100% DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MỨC ĐỘ 4

Nhằm đổi mới phương thức phục vụ, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy sự hài lòng của cá nhân, tổ chức làm thước đo quan trọng trong phát triển Chính phủ điện tử, ngày 16/8, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch triển khai và cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện thực hiện mức độ 4 năm 2021 trên địa bàn tỉnh.

Mục tiêu thực hiện kế hoạch nhằm bảo đảm gắn kết chặt chẽ, đồng bộ ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc, xác định ứng dụng công nghệ thông tin là công cụ hữu hiệu hỗ trợ, thúc đẩy cải cách hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng ông nghệ thông tin vào cải cách hành chính nhằm công khai, minh bạch trong giao dịch thủ tục hành chính với người dân, doanh nghiệp, góp phần nâng cao chỉ số cạnh tranh ICT, thúc đẩy và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang. Đồng thời, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện thực hiện mức độ 4 trong năm 2021, nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn.

Theo đó, tỉnh thực hiện rà soát, đảm bảo cung cấp các biểu mẫu, thành phần hồ sơ trong quy trình điện tử giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; hoàn thiện việc xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Rà soát danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và danh mục các dịch vụ công trực tuyến không đủ điều kiện thực hiện mức độ 4. Đánh giá chất lượng theo danh sách các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đã cung cấp trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

Cùng với đó, đồng bộ kịp thời, đầy đủ trạng thái hồ sơ từ các hệ thống chuyên ngành của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh với Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân tra cứu trạng thái hồ sơ. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp về việc sử dụng và lợi ích của dịch vụ công trực tuyến. Cập nhật danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (đã thực hiện tái cấu trúc quy trình) trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh. Tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 với Cổng dịch vụ công quốc gia tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

Để thực hiện hiệu quả, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các sở, ban, ngành triển khai nhiều giải pháp kỹ thuật, như: triển khai Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh trên cùng một nền tảng, đáp ứng các yêu cầu và quy định hiện hành. Kết nối Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh với Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (EMC) do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng. Thành lập Tổ công tác xây dựng và triển khai kế hoạch cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 4. Thành lập Tổ giúp việc với sự tham gia của các thành viên là cán bộ, công chức thuộc các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố, giúp Tổ công tác triển khai các nhiệm vụ cung cấp 100% các dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4.

Đồng thời, tăng cường thông tin, tuyên truyền cho người dân, doanh nghiệp về việc sử dụng và lợi ích của dịch vụ công trực tuyến. Công bố, cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin, số lượng, thành phần các thủ tục hành chính (tỉnh, huyện, xã) trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh. Thực hiện kiểm thử các dịch vụ công đã được tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia.

Phó Giám đốc Sở Nội vụ Trương Long Hồ cho biết, từ năm 2020 đến nay, việc thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính thông qua cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh An Giang được thực hiện thường xuyên, liên tục, đạt được nhiều kết quả tích cực. Hiện nay, Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh An Giang được xây dựng tập trung tại tỉnh và đảm bảo kết nối liên thông tới 100% sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn. Hệ thống đã hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong việc tra cứu tình trạng hồ sơ theo hình thức trực tuyến hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả ở các địa phương. Đặc biệt, việc thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công tỉnh và tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia để giải quyết các thủ tục hành chính đã được thực hiện thông qua môi trường mạng và dịch vụ bưu chính công ích, góp phần tiết kiệm chi phí, thời gian cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.

Năm 2021, tỉnh An Giang đặt mục tiêu tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 đạt từ 20% trở lên; 98% trả kết quả đúng hạn và người dân được hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hài lòng với sự phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Tỉnh An Giang phấn đấu có ít nhất 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; phấn đấu 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; phấn đấu tích hợp 50% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên; 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

Nguồn: baoangiang.com.vn

TIỀN GIANG: BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2030.

Ngày 18/10/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh.

Trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo về công tác cải cách hành chính, Chương trình đặt ra mục tiêu chung: Tiếp tục xây dựng nền hành chính tỉnh Tiền Giang hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế phù hợp, đầy đủ, rõ ràng, làm cơ sở cho tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị; đảm bảo đồng bộ, liên thông, thống nhất giữa quy định của các cấp; tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kiện toàn, củng cố cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cấp cơ sở tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, hiện đại.

Phối hợp, phân cấp, phân công, phân quyền, ủy quyền hợp lý, hiệu quả giữa các cấp, các ngành gắn với việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh.

Cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 được tỉnh xác định tập trung vào 06 nội dung lớn: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công; Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Các nội dung đều được xác định mục tiêu cụ thể và các nhiệm vụ triển khai.

Giải pháp được tỉnh xác định thực hiện tập trung vào:

Thứ nhất, Ủy ban nhân dân các cấp và thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác chỉ đạo việc thực hiện cải cách hành chính; chịu trách nhiệm chỉ đạo thống nhất và thực hiện Chương trình trong phạm vi quản lý; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, liên tục; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình.

Thứ hai, tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng các hình thức phù hợp, có hiệu quả. Quy định rõ và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Thực hiện nghiêm các quy định về chức danh, tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức trong từng cơ quan, tổ chức, từng ngành, từng lĩnh vực, làm cơ sở cho tinh giản tổ chức và tinh giản biên chế. Tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm của hoạt động công vụ. Thực hiện chính sách chung về đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với Nhân dân.

Thứ ba, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách công tác cải cách hành chính ở các cấp.

Thứ tư, thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện cải cách hành chính để có những giải pháp thích hợp nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính. Xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính ở các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã. Quy định kết quả thực hiện cải cách hành chính là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

Thứ năm, thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, trên các nội dung quản lý nhà nước khác nhau. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính cho Chính phủ và chính quyền các cấp ở địa phương.

Thứ sáu, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

Thứ bảy, tăng cường tuyên truyền sâu, rộng việc thực hiện công tác cải cách hành chính bằng nhiều hình thức thiết thực, sinh động, phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

Thứ tám, đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện Chương trình.

Trong quá trình thực hiện, Sở Nội vụ có vai trò là cơ quan thường trực tổ chức triển khai Chương trình.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

TÂY NINH: HƯỚNG ĐẾN XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ

Nhằm tạo sự thống nhất cao của các cấp, các ngành trong việc quán triệt và cụ thể hóa những nội dung của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, tỉnh Tây Ninh đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, hoàn thành các mục tiêu đề ra góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật và hướng đến xây dựng thành công chính quyền điện tử, chính quyền số.

Theo Kế hoạch cải cách hành chính, đến năm 2025, Tây Ninh giải quyết tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính bằng phương thức điện tử, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%; 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời..

Từ đó, tỉnh Tây Ninh phấn đấu đến năm 2030, 100% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên, tối thiểu 90% thủ tục hành chính của tỉnh có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80% và môi trường kinh doanh của tỉnh được xếp vào nhóm 20 tỉnh, thành đứng đầu cả nước.

Tỉnh Tây Ninh cũng đề ra nhiều kế hoạch cải cách bộ máy hành chính nhà nước, cụ thể: đến năm 2025, tỉnh sẽ hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định; giảm tối thiểu bình quân 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021. Đến năm 2030, tỉnh Tây Ninh tiếp tục sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng giảm hợp lý đầu mối các bộ, cơ quan ngang bộ và giảm tương ứng số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, giảm mạnh đầu mối các tổ chức trung gian. Đồng thời, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp tỉnh Tây Ninh đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%; mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

Đáng chú ý, tỉnh Tây Ninh đề ra mục tiêu vào năm 2025, toàn tỉnh có 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đến năm 2030 sẽ giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

Xây dựng chính quyền điện tử được coi là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tây Ninh. Theo Kế hoạch đề ra, đến năm 2025, tỉnh Tây Ninh có 100% cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với cổng dịch vụ công quốc gia; 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ tỉnh đến xã, 80% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua trực liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu...

Tỉnh Tây Ninh phấn đấu đến năm 2030, toàn tỉnh có 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên mạng; 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý; tối thiểu 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 được triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã, có sự chỉ đạo xuyên suốt của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm xác định rõ nội dung của từng nhiệm vụ, kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các cơ quan, đơn vị, địa phương mình để thực hiện có hiệu quả. Đồng thời việc triển khai thực hiện phải bám sát các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tạo ra sự đột phá trong công tác cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính.

Nguồn: sggp.org.vn

NHẬN THỨC VÀ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA THỰC HÀNH DÂN CHỦ VÀ TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ, ĐẢM BẢO KỶ CƯƠNG XÃ HỘI

Thực hành dân chủ là việc triển khai trên thực tế (làm) những điều đã nói (lý luận) về dân chủ. Nói cách khác, thực hành dân chủ chính là cơ chế, chính sách, những quy định, nguyên tắc... để bảo đảm cho mọi người dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Tăng cường pháp chế là tăng cường quản lý mọi hoạt động của xã hội. Không để một lĩnh vực nào thiếu sự điều chỉnh của pháp luật hoặc không được pháp luật điều chỉnh tới. Bảo đảm kỷ cương xã hội là thực hiện những phép tắc nhà nước duy trì trật tự của xã hội.

I. Mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

1. Nhận thức về mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

a) Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội bao gồm những nội dung cơ bản sau:

Xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công cuộc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”.

Dân chủ tập trung là cơ chế, nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt của hệ thống chính trị. Người chỉ rõ để có dân chủ thật sự thì “tư tưởng phải được tự do”. Tự do tư tưởng là “đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý”, “Khi tìm ra chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý”. “Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của Nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân tức là phục tùng chân lý”. Kỷ luật, pháp luật phải được xây dựng và thực thi bằng phương thức dân chủ.

Dân chủ thống nhất hữu cơ với chuyên chính. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khóa để phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không có khóa, nhà không có cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên cửa phải có khóa. Thế dân chủ cũng phải có chuyên chính để giữ lấy dân chủ”. Người cũng chỉ rõ: “muốn dân chủ thực sự phải chuyên chính thực sự, vì không chuyên chính thực sự, bọn thù địch sẽ làm hại dân chủ của nhân dân”.

Nhân dân là chủ, có quyền làm chủ thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, phải tuân theo pháp luật.

b) Sự phát triển nhận thức về thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Cương lĩnh năm 1991 đã xác định xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây

dựng là xã hội do nhân dân lao động làm chủ. Cương lĩnh cũng chỉ rõ: “Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân”; “Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm. Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người, quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm”.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (2001), Đảng ta xác định: “Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục toàn dân, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật”.

Cương lĩnh năm 2011 xác định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm”. Cương lĩnh cũng chỉ rõ: “Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), Đảng ta xác định: “Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội”.

Như vậy, nhận thức về thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội ngày càng rõ hơn. Tuy nhiên, đến nay văn kiện Đảng chưa chính thức nêu thành một mối quan hệ lớn cần nhận thức đúng và giải quyết tốt. Nội hàm của nó chưa được xác định rõ.

2. Tình hình giải quyết mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

Hệ thống thể chế, nhất là hệ thống pháp luật được xây dựng ngày càng đầy đủ, hoàn thiện. Trong gần 35 năm đổi mới, nước ta đã 2 lần lập hiến (ban hành Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013), 3 lần sửa đổi Hiến pháp (năm 1988, 1989 sửa đổi Hiến pháp năm 1980, năm 2001 sửa đổi Hiến pháp năm 1992). Số luật, pháp lệnh được ban hành gấp 8 lần so với số luật, pháp lệnh được ban hành trong 41 năm trước đổi mới. Với hệ thống thể chế, nhất là thể chế pháp luật ngày càng đầy đủ, hoàn thiện, người dân có điều kiện thực hành dân chủ tốt hơn.

Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện chuyên chế dân chủ ở cơ sở, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhận thức về dân chủ và thực hành dân chủ của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân ngày càng được nâng lên. Quyền làm chủ của nhân dân theo phương châm “Dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra” được thực hiện tốt hơn.

Thực hành dân chủ ngày càng tốt hơn. Dân chủ trong lĩnh vực kinh tế được mở rộng. Các chủ thể kinh tế được tự do sản xuất, kinh doanh tất cả những gì pháp luật không cấm, được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất, kinh doanh. Đây là thành tựu lớn nhất, góp phần

thúc đẩy tăng trưởng và phát triển nền kinh tế. Dân chủ trong lĩnh vực chính trị được thực hiện tốt hơn và có những bước tiến nổi bật. Các tổ chức trong hệ thống chính trị đã và đang tiếp tục được đổi mới về tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động. Các hình thức thực hiện dân chủ (dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp) ngày càng được coi trọng. Dân chủ trong lĩnh vực văn hóa và xã hội có những kết quả quan trọng; đặc biệt, dân chủ trong hoạt động lý luận khoa học đã có bước tiến, tạo điều kiện cho các nhà khoa học tranh luận, thảo luận và phát huy năng lực sáng tạo của mình, đóng góp tích cực vào việc xây dựng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính có nhiều chuyển biến. Công tác đối thoại, tiếp công dân, đơn khiếu nại, tố cáo và những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của người dân, doanh nghiệp được tăng cường hơn trước. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đạt kết quả bước đầu. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc giải quyết mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội còn nhiều hạn chế, bất cập.

Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, vẫn có tình trạng chông chéo. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật vi phạm Hiến pháp. Chỉ tính năm 2017 có tới hơn 5.600 văn bản trái luật được ban hành. Tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân vẫn diễn ra ở nhiều nơi, thậm chí có nơi còn nghiêm trọng, kéo dài, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Tình trạng dân chủ cực đoan, tự do tùy tiện, chống pháp luật, vi phạm kỷ cương, phép nước. Ý thức pháp luật của người dân vẫn còn những hạn chế, yếu kém. Vẫn còn tình trạng “phép vua thua lệ làng”, “lách luật”.

Dân chủ trong Đảng chưa được thực hiện đầy đủ, vẫn còn tình trạng dân chủ hình thức. Tình trạng vi phạm việc thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách còn xảy ra ở một số nơi. Quyền hạn và chế độ trách nhiệm của người đứng đầu và của tổ chức đảng, chính quyền chưa được quy định rõ ràng, thực hiện chưa nghiêm.

II. Nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch về mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

Các quan điểm sai trái, thù địch về mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội rất nhiều, nổi lên là những quan điểm sau:

1. Về thực hành dân chủ

Họ cho rằng “chừng nào ở Việt Nam chỉ có độc nhất một đảng lãnh đạo thì chừng đó không thể nói tới một nền dân chủ chân chính được”; “ở Việt Nam muốn có dân chủ thực sự thì phải hội nhập vào xu thế đa đảng như nước ngoài họ đã từng làm”; “Muốn thực sự có dân chủ cho người dân và phát triển xã hội phải thực hiện đa nguyên, đa đảng”. Không ít người lớn tiếng chỉ trích dân chủ của Việt Nam là “nửa vời”, “chưa mở ra đã khép lại”, cho rằng cách làm của ta là “non gan”, “yếu bóng vía”, không dám mở bung dân chủ hết cỡ, không dám thực hiện dân chủ công khai, không giới hạn.

Họ còn cho rằng: cách mạng Việt Nam, nhất là cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là “nồi da nấu thịt”, là “tàn bạo”, là vi phạm luật nhân đạo, luật nhân quyền; “Nhà nước Việt Nam ngày nay vẫn hạn chế nghiêm ngặt các quyền chính trị của công dân, đặc biệt là quyền thay đổi chính phủ”; “Chính phủ cộng sản Việt Nam không cho người dân được hưởng các quyền tự do cơ bản nhất”; “Một chính quyền tàn bạo và đàn áp có hệ thống các quyền tự do ngôn luận, lập hội và nhóm họp ôn hòa, thường xuyên trấn áp những người chất vấn các việc làm của nhà nước hay đòi hỏi các pháp dân chủ khác”; Nhà nước Việt Nam hạn chế nghiêm ngặt “các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí”; “Đàn áp những người bất đồng chính kiến”, bắt bớ, xét xử, bỏ tù tràn lan các blogger”; “Ở Việt Nam không có tự do tín ngưỡng, tôn giáo”; “Đồng bào các dân tộc thiểu số bị ngược đãi, phân biệt đối xử”, v.v..

2. Về tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

Họ cho rằng Hiến pháp Việt Nam là không chính danh, luật pháp Việt Nam có nhiều điểm sai trái, nhiều quy định “mơ hồ”, như phê phán Bộ Luật hình sự năm 1999, Luật An ninh mạng, kích động nhân dân biểu tình khi Quốc hội đang thực hiện về Luật An ninh mạng, Luật các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; v.v..

III. Luận cứ phê phán một số quan điểm sai trái, thù địch về mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

1. Luận cứ phê phán quan điểm “Muốn Việt Nam thực sự dân chủ và phát triển cần thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập”

Việt Nam hiện nay không cần thiết phải thực hiện đa nguyên chính trị đa đảng đối lập. Sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự lựa chọn tất yếu của lịch sử. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chấm dứt cuộc khủng hoảng dài về tổ chức và đường lối của cách mạng Việt Nam. Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đảng đã lãnh đạo nhân dân đánh thắng mọi âm mưu, kế hoạch xâm lược của thực dân Pháp với đỉnh cao là Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, buộc chúng phải ký Hiệp định Giơnevơ (năm 1954), chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, thu non sông về một mối vào ngày 30/4/1975. Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới (từ 1986 đến nay) đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Thực tế đã khẳng định: Ở Việt Nam, không có lực lượng chính trị nào khác, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Dân chủ, phát triển không đồng nghĩa với đa nguyên, đa đảng và đa nguyên, đa đảng không đồng nghĩa với sẽ có dân chủ và phát triển. Dân chủ là phạm trù lịch sử, xuất hiện khi nhà nước xuất hiện và mỗi nền dân chủ gắn với một nhà nước nhất định, được pháp luật quy định, tùy thuộc vào sự phát triển kinh tế, văn hóa trong từng giai đoạn. Mỗi nước có những đặc thù về trình độ phát triển về kinh tế, chính trị, lịch sử, văn hóa khác nhau, do đó có nền dân chủ khác

nhau. Chính những điều kiện đó quy định dân chủ không phải là do cơ chế đa nguyên, đa đảng hay một đảng. Không phải có nhiều đảng thì dân chủ hơn, ít đảng thì ít dân chủ hơn.

Về thực tiễn, các nước thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, nhưng việc thực hành dân chủ còn rất nhiều khuyết tật, người dân không được thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của mình. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn đề cao thực hành dân chủ. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta ngày càng tốt hơn. Đất nước tiếp tục phát triển. Không có chuyện đa nguyên chính trị, đa đảng mới thực hiện được dân chủ, đất nước mới phát triển. Nhân dân ta không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

2. Luận cứ phê phán các quan điểm cho rằng Việt Nam vi phạm quyền con người, quyền công dân, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, quyền tự do báo chí

Về vấn đề nhân quyền: Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhân dân Việt Nam sống trong vòng nô lệ của chế độ thực dân, phong kiến. Chỉ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, nhân dân Việt Nam mới trở thành người chủ đất nước, mới có được quyền con người, trong đó quyền cơ bản nhất là được sống trong một nước độc lập, tự do, được làm chủ xã hội mới. Ngay trong Tuyên ngôn độc lập đọc tại Quảng trường Ba Đình vào ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: Nước Việt Nam có quyền tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy. Trong các văn kiện Đảng, trong các bản Hiến pháp (1946, 1959, 1980, 1992, 2013), các quyền con người ngày càng được bổ sung, hoàn thiện. Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: “Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định”.

Thế chế hóa Cương lĩnh năm 2011, Hiến pháp năm 2013 dành cả Chương III với 36 điều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. So với các bản Hiến pháp trước, Hiến pháp năm 2013 đã có những sửa đổi, bổ sung và phát triển quan trọng về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Nhiều văn bản pháp luật khác đều có những quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Trên thực tế, quyền con người và quyền công dân được thực hiện ngày càng tốt hơn.

Về vấn đề tôn giáo: Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rõ: “Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào tôn giáo và đồng bào lương giáo để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết”. Ngày 14/6/1955, Điều 1 trong Sắc lệnh của Chính phủ cũng khẳng định: Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do đó. Mọi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào.

Các văn kiện của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều ghi nhận quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định “tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng

chủ nghĩa xã hội ở nước ta”. Cương lĩnh năm 2011 xác định: “Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật”. Vấn đề tự do tín ngưỡng, tôn giáo được ghi vào Hiến pháp, đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hiến pháp năm 2013 quy định: Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật. Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh về tôn giáo. Quốc hội ban hành Luật Tôn giáo đều quy định rõ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

Trên thực tế, Đảng và Nhà nước tạo điều kiện giúp các tôn giáo hoạt động bình thường theo pháp luật. Tín đồ, chức sắc các tôn giáo nhìn chung đã thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, đoàn kết tôn giáo được củng cố, tăng cường. Các giá trị đạo đức tôn giáo tốt đẹp được tôn trọng, phát huy trong đời sống. Bảo đảm các tôn giáo hoạt động theo đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Về vấn đề dân tộc: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Đồng bào Kinh hay Thô, Mường hay Mán, Giarai hay Êđê, Xơđăng hay Bana và các dân tộc thiểu số khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ có nhau, no đói giúp nhau. Đảng và Nhà nước ta luôn quán triệt và thực hiện chính sách dân tộc một cách nhất quán. Cương lĩnh năm 1991 xác định: Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Đến Cương lĩnh năm 2011, Đảng ta xác định: Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. Hiến pháp năm 2013 quy định: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi sự kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.

Đảng, Nhà nước đã có rất nhiều cơ chế chính sách, chương trình mục tiêu ưu tiên phát triển vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, tạo nên nhiều chuyển biến rõ nét. Kết cấu hạ tầng phát triển tương đối đồng bộ. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Giảm nghèo thu được kết quả đáng ghi nhận. Bản sắc văn hóa ngôn ngữ các dân tộc được phát triển mạnh mẽ. Hệ thống chính trị vùng có đông đồng bào dân tộc được củng cố. Tỷ lệ đại biểu người dân tộc thiểu số trong các cơ quan dân cử được bảo đảm. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở vùng dân tộc thiểu số được giữ vững. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số ngày càng được nâng lên rõ rệt.

Về tự do ngôn luận, tự do báo chí: Nhận thức rõ vấn đề tự do báo chí, tự do báo chí luôn luôn trong khuôn khổ pháp luật. Tự do báo chí sẽ góp phần vào sự phát triển xã hội, chống lại cái xấu xa, tội lỗi. Tự do báo chí cũng tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Tự do báo chí phải dựa trên nền tảng một xã hội dân chủ. Trong chủ nghĩa tư bản, báo

chí hoạt động trong môi trường pháp luật phục vụ giai cấp tư sản chứ không phải vì quyền lợi của nhân dân lao động.

Trên phương diện pháp lý, tất cả các bản Hiến pháp của nước ta từ trước đến nay (1946, 1959, 1980, 1992, 2013) đều có những quy định về tự do ngôn luận, tự do báo chí. Điều 10, Hiến pháp năm 1946 quy định: Công dân Việt Nam có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp. Các bản Hiến pháp sau đó đã phát triển quy định này. Điều 25, Hiến pháp năm 2013 quy định: Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định. Nhà nước ta đã ban hành Luật Báo chí năm 1989 và đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 1999, 2016.

Luật Báo chí của Việt Nam được sửa đổi vào năm 2016 có 61 Điều, trong đó có 4 Điều quy định rõ về quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận của công dân.

Điều 18. Quyền tự do báo chí của công dân: 1. Sáng tạo tác phẩm báo chí. 2. Cung cấp thông tin cho báo chí. 3. Phản hồi thông tin trên báo chí. 4. Tiếp cận thông tin báo chí. 5. Liên kết với cơ quan báo chí thực hiện các sản phẩm báo chí. 6. In, phát hành báo in.

Điều 11. Quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân: 1. Phát biểu ý kiến về tình hình đất nước và thế giới. 2. Tham gia ý kiến xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. 3. Góp ý kiến, phê bình, kiến nghị, khiếu nại tố cáo trên báo chí đối với các tổ chức của Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan báo chí đối với quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân: 1. Đăng, phát kiến nghị, phê bình, tin, bài, ảnh và tác phẩm báo chí khác của công dân phù hợp với tôn chỉ, mục đích và không có nội dung quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 9 của Luật này; trong trường hợp không đăng, phải trả lời và nêu rõ lý do khi có yêu cầu. 2. Trả lời hoặc yêu cầu tổ chức, người có thẩm quyền trả lời bằng văn bản hoặc trả lời trên báo chí về kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân gửi đến.

Điều 13. Trách nhiệm của Nhà nước đối với quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân: 1. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí và để báo chí phát huy đúng vai trò của mình. 2. Báo chí, nhà báo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và được Nhà nước bảo hộ. Không ai được lạm dụng quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân. 3. Báo chí không bị kiểm duyệt trước khi in, truyền dẫn và phát sóng.

Trên thực tế, báo chí đã thật sự là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp; là diễn đàn và công cụ quan trọng bảo vệ lợi ích và quyền tự do của các tầng lớp Nhân dân. Mọi người dân đều có quyền đề đạt nguyện vọng, phát biểu và đóng góp ý kiến trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Số lượng báo, ấn phẩm báo chí ngày càng tăng về số lượng, phong phú về ấn phẩm.

3. Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng “Hiến pháp Việt Nam là không chính danh”

Nước ta đã ban hành các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992, 2013 và 3 lần sửa đổi Hiến pháp (năm 1988, 1989 sửa đổi Hiến pháp năm 1980, năm 2001 sửa đổi Hiến pháp năm 1992). Tất cả các bản Hiến pháp (kể cả các bản sửa đổi) được tiến hành chặt chẽ, khoa học dưới sự lãnh đạo của Đảng; bảo đảm sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học, các nhà quản lý, tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân và các cơ quan tổ chức.

Về quy trình làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp, Điều 120, Hiến pháp năm 2013 quy định:

1. Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội có quyền đề nghị làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp. Quốc hội quyết định việc làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. 2. Quốc hội thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp. Thành phần, số lượng thành viên, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban dự thảo Hiến pháp do Quốc hội quyết định theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội. 3. Ủy ban dự thảo Hiến pháp soạn thảo, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trình Quốc hội dự thảo Hiến pháp. 4. Hiến pháp được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Việc trưng cầu ý dân về Hiến pháp do Quốc hội quyết định.

Việc ban hành Hiến pháp năm 2013 rất chặt chẽ, khoa học, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 38/2012/QH13 ngày 23/11/2012 tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Việc lấy ý kiến nhân dân đã được các cấp, các ngành triển khai đã nhận được sự tham gia nghiêm túc, tích cực, tâm huyết của đông đảo các tầng lớp nhân dân và đồng bào Việt Nam ở nước ngoài, thực sự là đợt sinh hoạt chính trị - pháp lý dân chủ, sâu rộng trong cả hệ thống chính trị. Ngày 28/11/2013 với tuyệt đại đa số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành (486/488, chiếm tỷ lệ 97,59%), Quốc hội khóa XIII đã thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Việc triển khai thực hiện Hiến pháp đã thu được những kết quả quan trọng. Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013, Quốc hội đã ban hành sửa đổi nhiều luật được nhân dân đồng tình, hưởng ứng và tích cực thực hiện.

IV. Một số kiến nghị

Để giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp sau:

Thứ nhất, cần đưa vào Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội thành một mối quan hệ lớn cần nhận thức đúng và giải quyết tốt.

Thứ hai, tiếp tục nghiên cứu làm rõ mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thứ ba, nâng cao nhận thức và giải quyết tốt mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, theo tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng: Phát huy dân chủ đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội. Phê phán những biểu hiện dân chủ

cực đoan, dân chủ hình thức. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ và quyền làm chủ của Nhân dân.

Thứ tư, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo yêu cầu dân chủ. Thể chế hóa, cụ thể hóa quan điểm: “Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân, được Nhân dân tham gia ý kiến Bảo đảm để Nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia phản biện, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện”.

Tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân. Thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013; gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân. Thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát, dân được hưởng”.

Thứ năm, có cơ chế bảo đảm và thực hiện tốt mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo hiến và các quy chế, quy định khác liên quan đến mối quan hệ này, như: quy chế chất vấn, giải trình; quy chế ứng cử, bầu cử có số dư; quy chế tranh cử, quy chế giám sát, phản biện xã hội, v.v..

Thứ sáu, chú trọng bảo đảm tính độc lập theo pháp luật của các cơ quan tư pháp, nhất là trong hoạt động xét xử của tòa án. Thể chế hóa quan điểm “Xây dựng nền tư pháp trong sạch vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại; bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Phân định thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp. Cụ thể hóa đầy đủ các nguyên tắc độc lập, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, của đương sự”.

Thứ bảy, thực hành tốt dân chủ trong Đảng là hạt nhân để thực hành dân chủ trong xã hội. Mọi cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Tăng cường pháp chế. Xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật, bất kể người đó là ai.

Thứ tám, tiếp tục xây dựng các luận cứ khoa học, kịp thời phê phán các quan điểm sai trái, thù địch về mối quan hệ giữa thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

PGS. TS. Nguyễn Việt Thông, Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

Nguồn: hdl.vn

NHIỀU QUY ĐỊNH MỚI VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG SẼ ĐƯỢC TRÌNH QUỐC HỘI TẠI KỲ HỌP THỨ 2

Người đứng đầu có trách nhiệm phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Bổ sung một số danh hiệu tập thể

Trao đổi với Báo Điện tử Chính phủ vào chiều ngày 19/10, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ Phạm Huy Giang cho biết, theo dự kiến chương trình làm việc, kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV sẽ cho ý kiến về dự thảo Luật Thi đua khen thưởng sửa đổi.

Nội dung sửa đổi, bổ sung đã thể chế các quan điểm, định hướng đổi mới công tác thi đua, khen thưởng của Đảng vào 4 phương án chính sách xây dựng dự án Luật đã được Chính phủ thông qua. Trong đó, tập trung sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống danh hiệu thi đua; hoàn thiện hệ thống hình thức khen thưởng; hoàn thiện chế định về thẩm quyền và trách nhiệm quản lý Nhà nước về thi đua, khen thưởng; cải cách thủ tục hành chính trong thi đua, khen thưởng.

Về nội dung thi đua, dự thảo Luật đã bổ sung danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” cho tập thể khi tham gia các phong trào thi đua theo chuyên đề do Thủ tướng Chính phủ phát động từ 5 năm trở lên, và danh hiệu “Cờ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh” cho tập thể khi tham gia phong trào thi đua theo chuyên đề do bộ, ngành, địa phương phát động từ 3 năm trở lên, để phát huy tác dụng khích lệ, động viên phong trào. Xuất phát từ thực tiễn các phong trào thi đua thời gian qua, Ban soạn thảo đã nghiên cứu, thống nhất đề nghị bổ sung danh hiệu “Xã tiêu biểu”, “Phường, thị trấn tiêu biểu”, điều chỉnh một số tiêu chuẩn danh hiệu “Thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hoá”, “Gia đình văn hoá” thành danh hiệu “Thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu”, “Gia đình tiêu biểu” để thống nhất hệ thống danh hiệu thi đua ở cơ sở và cho gia đình.

Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đơn vị, cơ sở trong tổ chức triển khai phong trào thi đua, để việc phát động, triển khai các phong trào thi đua trong thời gian tới phải thực sự thiết thực, hướng về cơ sở, gắn kết với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, gắn với lợi ích của người trực tiếp tham gia thi đua, hạn chế tính hình thức trong thi đua.

Khắc phục tình trạng khen thưởng 'cộng dồn thành tích'

Về khen thưởng, ông Phạm Huy Giang nêu rõ: Dự thảo Luật bổ sung với nhiều nội dung mới nhằm bao quát hết các đối tượng khen thưởng, phù hợp với vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền công tác khen thưởng trong hệ thống chính trị; cân đối khen thưởng khu vực cơ quan dân cử và khu vực ngoài Nhà nước. Dự thảo Luật đã thiết kế tạo sự thống nhất, xuyên suốt từ nguyên tắc, loại hình khen thưởng, đến các quy định cụ thể tiêu chuẩn khen thưởng; đề cao tính kịp thời của hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, đảm bảo

nguyên tắc thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, khắc phục tình trạng khen thưởng “cộng dồn thành tích” trước đây.

Bổ sung nguyên tắc “quan tâm khen thưởng cho người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác, chiến đấu và địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo”; mở rộng đối tượng khen thưởng người nước ngoài có nhiều đóng góp cho đất nước Việt Nam trong điều kiện chủ động hội nhập; quy định rõ hơn đối tượng khen thưởng “doanh nhân, trí thức, nhà khoa học”, “doanh nghiệp” trong các loại hình khen thưởng để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong khen thưởng ở khu vực ngoài nhà nước, kinh tế tư nhân.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội tặng kỷ niệm chương; các ban, Bộ, ngành tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng phù hợp

Một trong những điểm mới là bổ sung về hình thức khen thưởng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội được tặng kỷ niệm chương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tặng huy hiệu để phù hợp với thực tiễn và thống nhất hình thức khen thưởng.

Vì vậy, dự thảo Luật đã bổ sung thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hình thức khen thưởng “Kỷ niệm chương” và bổ sung quy định về việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định công tác thi đua, khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khác thuộc các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội để phù hợp với đặc thù hoạt động của Quốc hội. Dự thảo Luật cũng bổ sung quy định về thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và phân cấp cho người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phù hợp.

Tổng Thư ký Quốc hội đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương, huy chương cho đại biểu Quốc hội và các tập thể, cá nhân có đóng góp trong công tác Quốc hội, để phù hợp với thực tiễn hoạt động của Quốc hội.

Đồng thời, quy định cụ thể đối tượng khen thưởng Huân chương Lao động các hạng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh cho đối tượng là nông dân, công nhân, người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác; doanh nhân, doanh nghiệp, trí thức, nhà khoa học để thực hiện chủ trương của Đảng về chú trọng khen thưởng công nhân, nông dân, người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác.

Sửa đổi, bổ sung về đối tượng khen thưởng là cá nhân người nước ngoài đối với Huân chương Hồ Chí Minh; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài đối với Huân chương Độc lập các hạng, Huân chương Lao động các hạng.

Đặc biệt, ông Phạm Huy Giang cho biết, dự thảo bổ sung quy định: Người đứng đầu có trách nhiệm phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Nguồn: baohinhphu.vn

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT THỐNG KÊ: ĐỂ NHÌN NHẬN SÁT THỰC HƠN BỨC TRANH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC

Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê nhằm mục tiêu cung cấp thông tin thống kê chính xác, khách quan, kịp thời, phản ánh đúng, đầy đủ tình hình kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2021 - 2030; giúp phân tích, hoạch định và điều hành chính sách vĩ mô. Đồng thời, nhằm xây dựng cơ sở pháp lý để thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia và bảo đảm yêu cầu so sánh quốc tế trong các lĩnh vực.

Trao đổi với phóng viên Báo điện tử Chính phủ, Phó Vụ trưởng phụ trách Vụ Phương pháp chế độ và quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê Nguyễn Đình Khuyến cho biết, Luật Thống kê được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 23/11/2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2016. Sau 05 năm thực hiện, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có những tác động tích cực đối với công tác thống kê. Theo đó, Luật Thống kê đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động thống kê, khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của công tác thống kê, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thống kê ngày càng được tăng cường; chất lượng thông tin thống kê ngày càng được cải thiện. Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc thực hiện Luật Thống kê cũng còn những bất cập như danh mục chỉ tiêu thống kê ban hành kèm theo Luật chưa cập nhật, phản ánh kịp thời một số chính sách pháp luật, định hướng phát triển của Đảng, Quốc hội, Chính phủ mới được ban hành trong thời gian gần đây...

Xuất phát từ thực tiễn nhằm bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời phản ánh tình hình mới, bối cảnh mới phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước; căn cứ Điều 18 Luật Thống kê về điều chỉnh, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia: “Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý nhà nước và hội nhập quốc tế trong từng thời kỳ, Chính phủ rà soát, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia theo thủ tục rút gọn”, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, trình Chính phủ, Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê và được Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến tại phiên họp tháng 9/2021.

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Luật Thống kê; tổ chức các hội thảo trực tuyến, trực tiếp với các Bộ, ngành liên quan để lấy ý kiến; hội thảo với các chuyên gia kinh tế, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu về các chủ đề liên quan đến dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê; nghiên cứu Luật Thống kê một số nước quy định danh mục chỉ tiêu thống kê như: Singapore, Nhật Bản, Mông Cổ, New Zealand, Canada, Thụy Điển.

Trên nguyên tắc và phương pháp thống kê đã được quốc tế công nhận, các quy định của Luật Thống kê, các Luật chuyên ngành có liên quan, khả năng có thể tính toán các chỉ tiêu thống kê do các Bộ, ngành đề xuất và thực tiễn triển khai của các quốc gia khác trên thế giới,

Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đề xuất Chính phủ, trình Quốc hội tập trung sửa đổi những nội dung lớn, đã rõ và thực hiện được ngay bảo đảm kịp thời cung cấp thông tin sát thực với tình hình phát triển của đất nước, phản ánh thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam trong thời kỳ mới; đồng thời đảm bảo số liệu, thông tin thống kê phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, điều hành.

Chính phủ đã trình Quốc hội xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung 03 nội dung lớn nhằm làm rõ quy trình biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia; không ảnh hưởng, tác động đến các nội dung trong các điều, khoản khác của Luật Thống kê hiện hành.

Tại phiên họp ngày 13/10/2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã đồng ý đổi tên dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia thành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê và đồng ý trình Quốc hội xem xét thông qua dự thảo Luật này tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XV. Cũng tại Phiên họp này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến và nhất trí với phạm vi sửa đổi, bổ sung gồm:

Một là, sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 17 về Quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP) và chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP); Rà soát về việc đánh giá lại quy mô Tổng sản phẩm trong nước báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội.

Hai là, sửa đổi, bổ sung điểm d Khoản 2 Điều 48 về công bố thông tin thống kê của chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là phân tử của chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Ba là, thay thế Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 89/2015/QH13 bằng Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật này.

Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê nhằm mục tiêu cung cấp thông tin thống kê chính xác, khách quan, kịp thời, phản ánh đúng, đầy đủ tình hình kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2021 - 2030; giúp phân tích, hoạch định và điều hành chính sách vĩ mô. Bên cạnh đó, nhằm xây dựng cơ sở pháp lý để thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia và bảo đảm yêu cầu so sánh quốc tế trong các lĩnh vực.

Ông Nguyễn Đình Khuyến cho biết thêm, việc sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thống kê quốc gia tuân thủ theo các nguyên tắc: Thể chế hóa các đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác thống kê; phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước, phục vụ các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII; bảo đảm kế thừa, phát huy hiệu quả những quy định mang tính ưu việt trong Luật Thống kê; khắc phục hạn chế, bất cập và bổ sung những quy định phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; bảo đảm tính khả thi khi Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung được ban hành, áp dụng thuận lợi trong thực tiễn; khẳng định và nâng cao vai trò của hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê nhà nước, bảo đảm phù hợp với thực tiễn thống kê Việt Nam và các nguyên tắc hoạt động thống kê chính thức của Ủy ban Thống kê Liên Hợp Quốc; bảo đảm so sánh quốc tế.

Mỗi chỉ tiêu quốc gia được xác định, lựa chọn quy định tại Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia khi đảm bảo các tiêu chí gồm:

Thứ nhất, chỉ tiêu thống kê được lựa chọn quy định tại danh mục phải phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước, phục vụ các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phản ánh, lượng hóa việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là những chủ trương, chính sách trong bối cảnh mới. Đó là những thông tin, số liệu về kinh tế - xã hội chủ yếu ở tầm quốc gia.

Thứ hai, chỉ tiêu thống kê được lựa chọn quy định tại danh mục phải bảo đảm tính khả thi - tức là chỉ tiêu thống kê phải thu thập, tổng hợp và biên soạn được trên thực tiễn. Nguyên tắc này đòi hỏi phải: Bảo đảm kế thừa, phát huy hiệu quả những quy định mang tính ưu việt trong Luật Thống kê; Bảo đảm thống nhất, tương thích và tính so sánh quốc gia, giữa các vùng miền nhưng vẫn đáp ứng được các điều kiện thực tiễn; Bảo đảm thống nhất với các hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các hệ thống chỉ tiêu thống kê đa ngành, đa lĩnh vực và liên kết vùng.

Thứ ba, chỉ tiêu thống kê được lựa chọn quy định tại danh mục phải bảo đảm so sánh quốc tế; phù hợp với thực tiễn thống kê và tuân thủ các nguyên tắc hoạt động thống kê chính thức của Ủy ban Thống kê Liên Hợp Quốc.

Nguồn: baohinhphu.vn

CHÍNH PHỦ: SỬA ĐỔI MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Ngày 18/10, Chính phủ ban hành Nghị định số 89/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Trong đó, Nghị định sửa đổi hình thức bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Cụ thể, có 4 hình thức bồi dưỡng gồm: 1. Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức. 2. Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý. 3. Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã. 4. Bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm.

Nghị định cũng sửa đổi chương trình, tài liệu bồi dưỡng. Cụ thể:

Đối với chương trình, tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị, gồm: a) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý; b) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị theo tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức.

Đối với chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, gồm: a) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý; b) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức.

Đối với chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, gồm: a) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương, thời gian thực hiện tối đa là 04 tuần; b) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương, thời gian thực hiện tối đa là 06 tuần; c) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, thời gian thực hiện tối đa là 08 tuần.

Đối với chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành. Mỗi chuyên ngành có 01 chương trình, thời gian thực hiện tối đa là 06 tuần.

Còn đối với chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm: a) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, thời gian thực hiện tối đa là 02 tuần, gồm: Chương trình, tài liệu bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; Chương trình, tài liệu bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp huyện và tương đương; Chương trình, tài liệu bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương; Chương trình, tài liệu bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp vụ và tương đương. b) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ (nghiệp vụ chuyên ngành; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hức danh nghề nghiệp chuyên

ngành; chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung), thời gian thực hiện mỗi chương trình tối đa là 01 tuần. c) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã, thời gian thực hiện mỗi chương trình tối đa là 01 tuần.

Ngoài ra, Nghị định sửa đổi yêu cầu tham gia các chương trình bồi dưỡng. Cụ thể, cán bộ, công chức, viên chức tham gia học các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị, chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Công chức phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức trước khi bổ nhiệm ngạch.

Viên chức phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trước khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp.

Cán bộ, công chức, viên chức tham gia học các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức và theo nhu cầu bản thân, thời gian thực hiện tối thiểu 01 tuần (40 tiết)/năm, tối đa 04 tuần (160 tiết)/năm.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng sửa đổi một số nội dung về: Quản lý chương trình bồi dưỡng; Thẩm định, phê duyệt chương trình, tài liệu bồi dưỡng; Chứng chỉ chương trình bồi dưỡng; Phân công tổ chức bồi dưỡng;...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2021.

Nguồn: moha.gov.vn

THANH TRA CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH MỘT SỐ CHÍNH SÁCH MỚI

*** Ngày 01/10, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư số 05/2021/TT-TTCP quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.**

Theo Thông tư, việc xử lý đơn phải bảo đảm tuân thủ pháp luật; nhanh chóng, kịp thời; rõ ràng, thống nhất và tạo điều kiện thuận tiện cho người dân trong việc thực hiện các thủ tục về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Đơn phải được gửi, chuyển, hướng dẫn đến đúng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền, có trách nhiệm giải quyết.

Thông tư quy định, đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết và không thuộc một trong các trường hợp không được thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 11 Luật Khiếu nại thì người xử lý đơn đề xuất người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết nhưng chưa đủ điều kiện thụ lý giải quyết thì hướng dẫn người khiếu nại bổ sung thông tin, tài liệu để thực hiện việc khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền của cấp dưới nhưng quá thời hạn giải quyết theo quy định của Luật Khiếu nại mà chưa được giải quyết thì người xử lý đơn báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, quyết định.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng nêu rõ, trong quá trình xử lý đơn, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giữ bí mật thông tin của người tố cáo, nội dung tố cáo theo quy định của pháp luật. Trường hợp người tố cáo đề nghị được bảo vệ thì người xử lý đơn báo cáo người đứng đầu xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, Thông tư cũng quy định việc quản lý, theo dõi đơn. Cụ thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận, chuyển đơn có trách nhiệm vào sổ hoặc nhập thông tin vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định hoặc phần mềm xử lý đơn để tra cứu, quản lý, theo dõi. Việc lưu trữ, vào sổ theo dõi hoặc sao lưu dữ liệu trên máy tính, tra cứu thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước và Danh mục bí mật Nhà nước thuộc lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận đơn có trách nhiệm trả lời cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền đã chuyển đơn theo quy định của pháp luật.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2021

*** Ngày 01/10, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư số 06/2021/TT-TTCP quy định về tổ chức, hoạt động của đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra.**

Thông tư nêu rõ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan thanh tra và các cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý của mình trong công tác thanh tra; giải quyết khó khăn, vướng mắc, xử lý kịp thời kiến nghị về thanh tra và chỉ đạo, tổ chức thực hiện kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật.

Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo đoàn thanh tra, bảo đảm nguyên tắc của hoạt động thanh tra, bảo đảm cuộc thanh tra được thực hiện đúng pháp luật, đúng mục đích, yêu cầu; giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị của đoàn thanh tra; các khiếu nại, phản ánh, kiến nghị, tố cáo liên quan đến hoạt động của đoàn thanh tra.

Theo Thông tư, người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được tham gia đoàn thanh tra: a) Người có cổ phần tại doanh nghiệp là đối tượng thanh tra, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; b) Người có vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, người phụ trách công tác tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng thanh tra; c) Người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; d) Người có hành vi vi phạm bị xử lý mà chưa hết thời hạn xóa kỷ luật, xóa án tích; đ) Người không đủ các điều kiện khác để tham gia đoàn thanh tra theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng nêu rõ, người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được làm trưởng đoàn thanh tra: a) Thuộc một trong các trường hợp quy định trên; b) Người

có vợ hoặc chồng, bố, mẹ đẻ, bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng, con, anh, chị, em ruột, hoặc anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng thanh tra.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì cuộc thanh tra có trách nhiệm kiểm tra, rà soát để phát hiện các trường hợp không được tham gia đoàn thanh tra trước khi trình người có thẩm quyền ra quyết định thanh tra.

Thông tư cũng quy định việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra. Theo đó, trong quá trình thanh tra, trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo theo đề cương; yêu cầu đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra.

Đối với những hồ sơ, tài liệu không cần thu giữ thì người nhận hồ sơ, tài liệu trả lại cho đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; thời gian trả hồ sơ, tài liệu chậm nhất khi kết thúc việc thanh tra trực tiếp.

Trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra có trách nhiệm nghiên cứu các thông tin, tài liệu đã thu thập được; đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của đối tượng thanh tra liên quan đến nội dung thanh tra được phân công; yêu cầu người có trách nhiệm, người có liên quan giải trình về những vấn đề chưa rõ; trường hợp cần làm việc trực tiếp với đối tượng thanh tra, người có liên quan thì thành viên đoàn thanh tra báo cáo trưởng đoàn thanh tra xem xét, quyết định.

Trong trường hợp cần kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu hoặc làm rõ những vấn đề có liên quan đến nội dung thanh tra thì trưởng đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra mời đối tượng thanh tra, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân có liên quan đến làm việc hoặc yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2021.

*** Ngày 01/10, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư số 07/2021/TT-TTCP quy định về thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.**

Cụ thể, Thanh tra Chính phủ thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (cấp bộ), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh); doanh nghiệp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thuộc cơ quan hành chính Nhà nước.

Trong quá trình tiến hành thanh tra trách nhiệm, Thanh tra Chính phủ xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng đối với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan gồm: a) Văn phòng Bộ, các tổng cục, cục, vụ, đơn vị trực thuộc Bộ, các doanh nghiệp Nhà nước do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (gọi chung là Bộ trưởng) quyết định thành lập và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thuộc quyền quản lý của Bộ. b) Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh (cấp sở), Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (cấp huyện), doanh nghiệp Nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. c) Văn phòng, các phòng, ban nghiệp vụ của doanh nghiệp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và các tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp đó.

Việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 59 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng nêu rõ thẩm quyền xem xét, xác minh đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác. Theo đó, trong quá trình tiến hành thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, căn cứ vào yêu cầu của cuộc thanh tra, ngoài các cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra, đoàn thanh tra có quyền xem xét, xác minh đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan khác để làm rõ các nội dung cần thanh tra.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến nội dung thanh tra có trách nhiệm làm việc, cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của đoàn thanh tra trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2021.

Anh Cao - Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ TÀI CHÍNH: BAN HÀNH MỘT SỐ CHÍNH SÁCH MỚI

*** Hướng dẫn mới về thủ tục, hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất**

Ngày 29/9, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Thông tư quy định chi tiết về thủ tục, hồ sơ được miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với tùy từng trường hợp cụ thể.

Theo Điều 60 Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thủ tục, hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất, tùy từng trường hợp cụ thể, hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất sẽ khác nhau.

Trường hợp thứ nhất, đối với đất trong hạn mức đất ở được giao cho người có công với cách mạng, hồ sơ miễn giảm tiền sử dụng đất bao gồm:

Văn bản đề nghị (theo mẫu); giấy tờ có liên quan chứng minh thuộc diện được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công với cách mạng; quyết định hoặc văn bản theo quy định của pháp luật về miễn, giảm tiền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc của cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, phân cấp.

Trường hợp thứ hai, hồ sơ miễn tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở đối với hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo theo danh mục các xã do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; hồ sơ giảm tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở đối với hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số không thuộc vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, bao gồm:

Văn bản đề nghị theo mẫu; đối với hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số phải có hộ khẩu (ở nơi đã có hộ khẩu); hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (ở nơi chưa có hộ khẩu); đối với hộ nghèo phải có hộ khẩu thường trú tại địa phương thuộc vùng có đất ở được miễn, giảm tiền sử dụng đất và có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về hộ nghèo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trường hợp thứ ba, hồ sơ miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao trong hạn mức giao đất ở cho các hộ dân làng chài, dân sống trên sông nước, đầm phá di chuyển đến định cư tại các khu, điểm tái định cư theo quy hoạch, kế hoạch và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

Văn bản đề nghị theo mẫu; bản sao Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thực hiện dự án.

Thông tư cũng nêu rõ, hồ sơ miễn tiền sử dụng đất đối với dự án nhà ở xã hội đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 53 Luật Nhà ở năm 2014 bao gồm: Văn bản đề nghị theo mẫu; bản sao Quyết định hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; bản sao Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hồ sơ miễn tiền sử dụng đất đối với dự án nhà ở xã hội đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 Luật Nhà ở năm 2014, gồm: Văn bản đề nghị theo mẫu; bản sao Quyết định hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; bản sao Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cam kết của doanh nghiệp, hợp tác xã về giá cho thuê nhà không vượt quá giá thuê do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật nhà ở...

Hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với dự án đầu tư hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa bao gồm: Văn bản đề nghị theo mẫu; Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao Quyết định chủ trương đầu tư (trừ trường hợp thuộc đối tượng không phải cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo pháp luật về đầu tư); bản sao Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án đầu tư.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.

*** Hướng dẫn việc khai và nộp thuế bằng ngoại tệ**

Hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí; hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam... thuộc diện khai và nộp thuế bằng ngoại tệ.

Đây là quy định tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính mới ban hành, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Điều 4 Thông tư số 80 hướng dẫn các trường hợp khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi bao gồm:

Thứ nhất, hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí (trừ trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác), gồm: Thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp; phụ thu đối với phần dầu lãi được chia khi giá dầu thô biến động tăng; tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia.

Tiền hoa hồng chữ ký; tiền hoa hồng phát hiện thương mại dầu, khí; tiền hoa hồng sản xuất; tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí; tiền đền bù không thực hiện các cam kết tối thiểu; thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí.

Thuế đặc biệt, khoản phụ thu và thuế thu nhập doanh nghiệp từ kết dư phần dầu để lại của hoạt động dầu khí của Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1 thực hiện khai, nộp vào ngân sách nhà nước bằng loại ngoại tệ tự do chuyển đổi sử dụng trong giao dịch thanh toán.

Thứ hai, phí, lệ phí và các khoản thu khác do các cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu: Khai và nộp vào ngân sách nhà nước bằng loại ngoại tệ tự do chuyển đổi được quy định tại văn bản quy định về mức thu phí, lệ phí và các khoản thu khác.

Thứ ba, phí, lệ phí do các cơ quan, tổ chức tại Việt Nam được phép thu phí, lệ phí bằng ngoại tệ: Khai và nộp vào ngân sách nhà nước bằng loại ngoại tệ tự do chuyển đổi được quy định tại văn bản quy định về mức thu phí, lệ phí.

Thứ tư, hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam: Khai và nộp vào ngân sách nhà nước bằng loại ngoại tệ tự do chuyển đổi.

Tỉ giá giao dịch thực tế được thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: QUY CHẾ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 27/2021/TT-BGDĐT quy định quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

Theo Thông tư, việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt nhằm đánh giá năng lực tiếng Việt cho người có nhu cầu theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt phải bảo đảm nguyên tắc trung thực, chính xác, khách quan, minh bạch, phản ánh đúng năng lực tiếng Việt của người được đánh giá về 4 kỹ năng ngôn ngữ: Nghe, nói, đọc, viết.

Về hình thức thi: Các kỹ năng nghe, đọc, viết được tổ chức theo hình thức thi trên giấy hoặc trên máy tính. Kỹ năng nói được tổ chức theo hình thức thi nói trực tiếp trước giám khảo hoặc thi nói trên máy tính. Đối với từng kỳ thi, đơn vị tổ chức thi thông báo về hình thức thi trên giấy hay trên máy tính, thi nói trực tiếp trước giám khảo hay nói trên máy tính để thí sinh biết trước khi đăng ký dự thi.

Chúng chỉ tiếng Việt được cấp cho người dự thi đạt yêu cầu tương ứng từ bậc 1 đến bậc 6 của Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mẫu chứng chỉ tiếng Việt. Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ tiếng Việt do cơ quan, đơn vị sử dụng chứng chỉ quyết định.

Đơn vị được tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt bao gồm: Các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành văn học, sư phạm ngữ văn, tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; các đơn vị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài.

Đối tượng dự thi và đăng ký dự thi

Thông tư nêu rõ đối tượng dự thi gồm các cá nhân có nhu cầu được đánh giá năng lực tiếng Việt và cấp chứng chỉ tiếng Việt; có hồ sơ đăng ký dự thi hợp lệ; đóng đầy đủ lệ phí thi, lệ phí cấp chứng chỉ theo quy định; không trong thời gian bị cấm thi theo quy định.

Hồ sơ đăng ký dự thi gồm: 2 ảnh cỡ 4x6 (cm) được chụp không quá 6 tháng trước ngày đăng ký dự thi; bản sao hộ chiếu còn hiệu lực; phiếu đăng ký dự thi (gồm thông tin về họ và tên, ngày sinh, quốc tịch, số và ngày cấp hộ chiếu, thời gian, địa điểm đăng ký dự thi và các thông tin cần thiết khác).

Việc đăng ký dự thi thực hiện theo một trong những cách sau: Cá nhân trực tiếp đến đăng ký tại đơn vị tổ chức thi hoặc đăng ký trực tuyến qua trang thông tin điện tử của đơn vị tổ chức thi; cá nhân thông qua tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp hoặc cơ sở giáo dục nơi đang công tác, học tập đăng ký dự thi với đơn vị tổ chức thi.

Trách nhiệm của thí sinh là có mặt tại địa điểm thi đúng thời gian quy định để được hướng dẫn và tham dự kỳ thi. Xuất trình hộ chiếu còn hiệu lực trước khi vào phòng thi. Sau 2/3 thời gian làm bài thi của mỗi kỹ năng, thí sinh có thể nộp bài sớm so với quy định (trừ kỹ năng nghe) cùng với đề thi, giấy nháp và chỉ được rời phòng thi khi giám thị cho phép.

Thông tư cũng quy định, thủ trưởng đơn vị tổ chức thi duyệt kết quả thi trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận tờ trình đề nghị duyệt kết quả thi. Ngay sau khi kết quả thi được duyệt, đơn vị tổ chức thi công bố kết quả thi trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

Thủ trưởng đơn vị tổ chức thi cấp chứng chỉ cho thí sinh đủ điều kiện; trong đó, ghi rõ bậc năng lực tiếng Việt đạt được của thí sinh. Việc quản lý và cấp phát, thu hồi chứng chỉ thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 22/11/2021.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

*** Chủ tịch nước Quyết định bổ nhiệm Đại sứ Việt Nam tại nước ngoài nhiệm kỳ 2021 - 2024:**

Ông Lương Thanh Nghị được chỉ định làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Vương quốc Đan Mạch kiêm nhiệm Cộng hòa Iceland.

Ông Phùng Thế Long được chỉ định làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Liên bang Thụy Sĩ kiêm Công quốc Liechtenstein.

Ông Đỗ Hoàng Long được chỉ định làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Bulgaria kiêm nhiệm Macedonia.

Ông Đỗ Đức Thành được chỉ định làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Romania kiêm nhiệm Cộng hòa Serbia, Cộng hòa Montenegro.

Bà Phạm Thái Như Mai được chỉ định làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Kazakhstan kiêm nhiệm Cộng hòa Kyrgyzstan, Cộng hòa Tajikistan, Georgia.

Ông Nguyễn Văn Ngự được chỉ định làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Belarus.

Ông Lý Đức Trung được chỉ định làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nhà nước Israel.

Ông Dương Hải Hưng được chỉ định làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Italy kiêm nhiệm Cộng hòa Cyprus, Cộng hòa Malta, Cộng hòa San Marino.

*** Ban Tổ chức Trung ương:**

Ông Nguyễn Mạnh Hùng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ cơ quan Ban Tổ chức - Trung ương.

Ông Khuất Hữu Vân được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ cơ quan Ban Tổ chức - Trung ương.

*** Ban Nội chính Trung ương:**

Ông Đoàn Hồng Ngọc, Phó Vụ trưởng Vụ Theo dõi công tác phòng, chống tham nhũng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Địa phương II.

*** Bộ Công an:**

Đại tá Trần Xuân Ánh, Phó Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Trà Vinh.

Đại tá Vũ Hoài Bắc, Giám đốc Công an tỉnh Trà Vinh đã được Bộ Công an điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục An ninh điều tra, Bộ Công an.

*** Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:**

Các ông/bà: Nguyễn Phạm Duy Trang và Nguyễn Minh Triết đã được bầu bổ sung tham gia Ban Bí thư Trung ương Đoàn.

Bầu 5 ông/bà vào Ban Thường vụ Trung ương Đoàn khóa XI, gồm: Đào Phú Thùy Dương, Bí thư Thành đoàn Hải Phòng; Lê Thành Đông, Bí thư Tỉnh đoàn Hà Tĩnh; Trần Văn Đông, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đoàn; Thân Trung Kiên, Bí thư Tỉnh đoàn Bắc Giang; Nguyễn Kim Quy, Phó Trưởng Ban Đoàn kết tập hợp thanh niên Trung ương Đoàn, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam.

Bầu bổ sung 2 đồng chí vào Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đoàn, bầu đồng chí Ngô Văn Cương, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đoàn giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đoàn khóa XI.

Bà Ngô Thị Minh, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được bầu tham gia Phó Chủ tịch Hội đồng Đội Trung ương khóa VIII.

*** Thành phố Hồ Chí Minh:**

Ông Hà Phước Thắng, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh được điều động đến nhận công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ông Đặng Quốc Toàn, Bí thư Quận ủy quận 10 được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

*** Tỉnh Quảng Ninh:**

Ông Tô Xuân Thao thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thôi giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Vân Đồn được điều động giữ chức vụ Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh (khóa XIII) nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Nguồn: baohinhphu.vn